

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN
Nhà máy Thủy điện Bù Cà Mau
ÁP DỤNG BIỂU GIÁ CHI PHÍ TRÁNH ĐƯỢC

GIỮA

BÊN BÁN
CÔNG TY TNHH TM DV SX CÁT NAM
VÀ

BÊN MUA
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

SỐ: **2891**/HĐ/EVN SPC- CÔNG TY TNHH TM DV SX CÁT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 /2016



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương qui định về trình tự xây dựng, áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ.

Căn cứ nhu cầu mua, bán điện của hai Bên,

Hôm nay, ngày 06 tháng 4 năm 2016, tại Văn phòng Tổng công ty Điện lực miền Nam, số 72 đường Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Chúng tôi gồm:

1. Bên bán: CÔNG TY TNHH TM DV SX CÁT NAM

Địa chỉ nhà máy: xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại : 0651.245.007

Fax: 0651.870.309

Mã số thuế : 0302337793

Tài khoản : 002700 4100 6969 tại Ngân Hàng Bản Việt – Chi Nhánh TP.Hồ Chí Minh.

Đại diện : Ông **La Lễ Tài**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

2. Bên mua: TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Đại diện : Ông **Nguyễn Văn Hợp**.

Chức vụ : Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH.

(Theo Giấy Ủy quyền số 4310/UQ-EVN ngày 28/10/2014 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam về thực hiện đàm phán, ký kết và quản lý hợp đồng mua bán điện các dự án có công suất đặt đến 30 MW).

Địa chỉ : Số 72 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 0838.221.605

Fax: 0838.221.751

Mã số thuế : 0300942001.

Tài khoản : 102010000087610 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện để mua, bán điện theo Biểu giá chi phí tránh được với các nội dung sau:

Điều 1. Định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bên cho vay: các cá nhân, tổ chức cho Bên bán hoặc Bên mua vay để thực hiện Hợp đồng này.

2. Bên hoặc các bên: Bên bán, Bên mua hoặc cả hai bên hoặc đơn vị tiếp nhận các quyền và nghĩa vụ của một bên hoặc các bên trong Hợp đồng này.

3. Biểu giá chi phí tránh được: biểu giá được quy định tại Phụ lục A của Hợp đồng.

4. Điểm đấu nối: vị trí mà đường dây của Bên bán đấu nối vào hệ thống điện của Bên mua, được thỏa thuận tại Phụ lục C của Hợp đồng.

5. Điểm giao nhận điện: điểm đo đếm sản lượng điện bán ra của Bên bán.

6. Điện năng dư: toàn bộ lượng điện năng sản xuất trong mùa mưa vượt quá lượng điện năng đã xác định với hệ số phụ tải trong mùa mưa được quy định trước.

7. Điện năng mua bán: điện năng của nhà máy điện phát ra theo khả năng phát lớn nhất có thể của nhà máy, trừ đi lượng điện năng cần thiết cho tự dùng và tổn thất của nhà máy điện, được Bên bán đồng ý bán và giao cho Bên mua hàng năm, theo quy định trong Phụ lục B của Hợp đồng. Đơn vị tính lượng điện năng mua bán là kWh.

8. Giờ bình thường: khoảng thời gian sử dụng điện trong ngày theo quy định trong văn bản hướng dẫn áp dụng biểu giá bán lẻ điện hiện hành.

9. Giờ cao điểm: khoảng thời gian sử dụng điện trong ngày theo quy định trong văn bản hướng dẫn áp dụng biểu giá bán lẻ điện hiện hành.

10. Giờ thấp điểm: khoảng thời gian sử dụng điện trong ngày theo quy định trong văn bản hướng dẫn áp dụng biểu giá bán lẻ điện hiện hành.

11. Hợp đồng: bao gồm văn bản này và các Phụ lục kèm theo.

12. Lãi suất cơ bản: lãi suất cho vay thị trường liên ngân hàng Việt Nam VNIBOR thời hạn một tháng tại thời điểm thanh toán.

13. Mùa khô: khoảng thời gian trong năm theo quy định trong Biểu giá chi phí tránh được.

14. Mùa mưa: khoảng thời gian trong năm theo quy định trong Biểu giá chi phí tránh được.

15. Năm hợp đồng: 12 (mười hai) tháng của năm dương lịch tính từ ngày đầu tiên của tháng 01 và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 năm đó, trừ trường hợp đối với năm hợp đồng đầu tiên được tính bắt đầu từ ngày vận hành

thương mại và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 của năm đó. Năm hợp đồng cuối cùng kết thúc vào ngày cuối cùng của thời hạn Hợp đồng.

16. Ngày đến hạn thanh toán: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Bên mua nhận được bộ hồ sơ thanh toán tiền điện hợp lệ của Bên bán.

17. Ngày vận hành thương mại: ngày Bên bán thông báo cho Bên mua về việc bắt đầu giao điện năng mua bán phù hợp với các nội dung của Hợp đồng này hoặc là ngày mà Bên bán bắt đầu giao điện năng cho Bên mua phù hợp với Hợp đồng này và Bên mua phải thanh toán cho lượng điện năng giao đó.

18. Nhà máy điện: bao gồm tất cả các thiết bị phát điện, thiết bị bảo vệ, thiết bị đấu nối và các thiết bị phụ trợ có liên quan; đất sử dụng cho công trình điện lực và công trình phụ trợ để phục vụ sản xuất điện năng theo Hợp đồng này của Bên bán.

19. Đơn vị điều độ hệ thống điện: các đơn vị điện lực bao gồm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các Đơn vị điều độ hệ thống điện miền và các Đơn vị điều độ hệ thống điện phân phối, được phân cấp thực hiện hoạt động chỉ huy, điều khiển các đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện thực hiện quá trình vận hành hệ thống điện quốc gia theo quy trình, quy phạm kỹ thuật và phương thức vận hành đã được quy định.

20. Quy định vận hành hệ thống điện: các Thông tư, Quy trình quy định các tiêu chuẩn vận hành hệ thống điện, điều kiện và thủ tục đấu nối vào lưới điện, điều độ và vận hành hệ thống điện, đo đếm điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối điện.

21. Quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành điện: những quy định, tiêu chuẩn, thông lệ được áp dụng trong ngành điện do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam ban hành hoặc các quy định, tiêu chuẩn của các cơ quan, tổ chức quốc tế, các nước trong vùng ban hành phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam, khuyến nghị của nhà sản xuất thiết bị, có tính đến điều kiện vật tư, nguồn lực, nhiên liệu, kỹ thuật chấp nhận được đối với ngành điện Việt Nam tại thời điểm nhất định.

22. Trường hợp khẩn cấp: chỉ điều kiện hoặc tình huống có thể dẫn đến gián đoạn dịch vụ cung cấp điện cho khách hàng của Bên mua, bao gồm các trường hợp có thể gây ra hỏng hóc lớn trong hệ thống điện của Bên mua, có thể đe dọa đến tính mạng, tài sản hoặc làm ảnh hưởng đến khả năng kỹ thuật của nhà máy điện.

Điều 2. Giao nhận và mua bán điện

1. Giao nhận điện

Kể từ ngày vận hành thương mại, Bên bán đồng ý giao và bán điện năng cho Bên mua, Bên mua đồng ý mua điện năng của Bên bán theo quy định của Hợp đồng này.

2. Giá mua bán điện

Giá mua bán điện theo Hợp đồng này được áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết điện lực công bố hàng năm và theo quy định tại Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định trình tự xây dựng, áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ.

3. Mua bán điện

Bên bán đồng ý vận hành nhà máy điện với công suất khả dụng của thiết bị và phù hợp với Quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành điện, Quy định vận hành hệ thống điện và các qui định khác có liên quan. Bên bán không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại trực tiếp của Bên mua do Bên bán không cung cấp đủ điện năng mua bán trong trường hợp không do lỗi của Bên bán. Trường hợp nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên mua mà Bên bán giảm điện năng mua bán với mục đích bán điện cho bên thứ ba, hoặc với mục đích sản xuất các dạng năng lượng khác tại nhà máy điện thay vì sản xuất điện năng mua bán thì Bên bán không được miễn trách nhiệm pháp lý.

4. Kế hoạch vận hành

a) Trước hoặc vào ngày thực hiện Hợp đồng này, Bên bán cung cấp cho Bên mua biểu đồ khả năng phát trung bình năm tại thanh cái nhà máy theo từng tháng phù hợp với thiết kế cơ sở của nhà máy điện. Đối với nhà máy thủy điện, Bên bán cung cấp thêm các biểu đồ khả năng phát của các năm trong chuỗi số liệu thủy văn tại thiết kế cơ sở của nhà máy điện.

b) Trước ngày 01 tháng 12 của năm hợp đồng, Bên bán cung cấp cho Bên mua dự báo năm về tình hình vận hành, bao gồm:

- Dự báo sản lượng điện và công suất khả dụng hàng tháng;
- Lịch ngừng máy.

c) Trường hợp công suất, điện năng cung cấp thực tế và thời gian giao nhận điện cho Bên mua khác so với dự báo (trong khoảng nhỏ hơn hoặc bằng 5%) thì Bên bán không phải chịu trách nhiệm pháp lý với Bên mua và không bị giảm các khoản thanh toán hoặc bị phạt. Trường hợp dự báo năm do Bên bán cung cấp cho Bên mua sai khác nhiều hơn 5% so với biểu đồ khả năng phát theo từng tháng theo Điểm a, Khoản này thì Bên bán phải giải trình bằng văn bản cho Bên mua về sự sai khác đó, kể cả các số liệu thủy văn hoặc các số liệu khác có liên quan làm cơ sở cho dự báo trên.

d) Bên bán phải cung cấp dự báo điện năng ngày cho Đơn vị điều độ hệ thống điện khi Đơn vị điều độ hệ thống điện yêu cầu.

5. Ngừng máy

a) Bên bán thông báo cho Bên mua dự kiến lịch ngừng máy và thời gian ngừng máy để sửa chữa định kỳ trước ba tháng. Bên mua phải trao đổi với Bên bán trước thời điểm ngừng máy nếu có yêu cầu thay đổi thời gian ngừng máy. Bên bán có trách nhiệm trao đổi và thống nhất với Bên mua, phù hợp với Quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành điện và tuân thủ Quy định vận hành hệ thống điện.

b) Bên bán phải thông báo sớm nhất cho Bên mua việc ngừng máy không theo lịch, kể cả dự kiến thời gian ngừng và tuân thủ Quy định vận hành hệ thống điện.

6. Vận hành lưới điện

Bên mua và Bên bán vận hành và bảo dưỡng lưới điện và các thiết bị đấu nối với nhà máy điện theo phạm vi quản lý tài sản phù hợp với Quy định về lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải theo cấp điện áp đấu nối của nhà máy, Quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành điện và Quy định vận hành hệ thống điện để đảm bảo việc mua, bán điện năng theo Hợp đồng. Bên mua phải trao đổi và thống nhất với Bên bán về cân bằng phụ tải và ổn định điện áp cho lưới điện phân phối để đảm bảo khả năng tải tối đa của lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải.

Đối với các khu vực nối lưới điện với nước ngoài, khu vực có quá tải đường dây (truyền tải điện), Bên mua và Bên bán thỏa thuận thời gian áp dụng giá giờ cao điểm theo nguyên tắc đảm bảo đủ số giờ cao điểm theo quy định.

7. Gián đoạn trong hoạt động nhận và mua điện

Bên mua không phải thực hiện nghĩa vụ mua hoặc nhận điện trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà máy điện vận hành, bảo dưỡng không phù hợp với Quy định về lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải, Quy định vận hành hệ thống điện và Quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành điện.

b) Trong thời gian Bên mua lắp đặt thiết bị, sửa chữa, thay thế, kiểm định hoặc kiểm tra lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải có liên quan trực tiếp tới đấu nối của nhà máy điện.

c) Lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải hoặc các hệ thống đấu nối trực tiếp với lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải của Bên mua có sự cố.

d) Lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải của Bên mua cần hỗ trợ để phục hồi khả năng hoạt động phù hợp với Quy định về lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải, Quy định vận hành hệ thống điện và Quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành điện.

8. Gián đoạn trong hoạt động giao và bán điện

Bên bán có thể ngừng hoặc giảm lượng điện bán và giao cho Bên mua trong trường hợp lắp đặt thiết bị, sửa chữa, thay thế, kiểm định, kiểm tra hoặc thực hiện sửa chữa Nhà máy điện mà ảnh hưởng trực tiếp đến việc giao điện năng cho Bên mua.

Trước khi tiến hành ngừng hoặc giảm lượng điện giao cho Bên mua, Bên bán phải thông báo trước cho Bên mua ít nhất 10 (mười) ngày, trong thông báo phải nêu rõ lý do, dự tính thời gian bắt đầu và thời gian gián đoạn giao điện.

9. Phối hợp

Bên mua có trách nhiệm giảm thiểu thời gian giảm hoặc ngừng việc nhận điện trong các trường hợp tại điểm b, c, d Khoản 7 Điều này. Trừ trường hợp

khẩn cấp, khi thực hiện tạm giảm hoặc ngừng việc nhận điện, Bên mua phải thông báo trước cho Bên bán ít nhất 10 (mười) ngày, nêu rõ lý do, thời điểm dự kiến bắt đầu và thời gian gián đoạn. Trong trường hợp cần thiết, Bên mua phải chuyển cho Bên bán các lệnh điều độ về vận hành nhận được từ đơn vị điều độ hệ thống điện liên quan đến vận hành nhà máy và Bên bán phải tuân thủ các lệnh đó, trừ trường hợp các lệnh đó làm thay đổi đặc điểm phải huy động của nhà máy.

10. Hệ số công suất

Bên bán đồng ý vận hành nhà máy điện đồng bộ với lưới điện của Bên mua để giao điện tại điểm giao nhận, tại mức điện áp và hệ số công suất từ 0,85 (ứng với chế độ phát công suất phản kháng) đến 0,90 (ứng với chế độ nhận công suất phản kháng) như quy định trong Phụ lục B. Trừ khi Bên mua yêu cầu khác, nhà máy điện của Bên bán phải vận hành với hệ số công suất xác định theo Quy định về lưới điện phân phối tại điểm giao nhận cho Bên mua.

11. Vận hành đồng bộ

Bên bán có trách nhiệm thông báo cho Bên mua bằng văn bản ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi hòa đồng bộ lần đầu tiên các tổ máy phát điện tại nhà máy điện của Bên bán với lưới điện của Bên mua. Bên bán phải phối hợp vận hành với Bên mua tại lần hoà đồng bộ đầu tiên và các lần hoà đồng bộ sau.

12. Tiêu chuẩn

Bên bán và Bên mua phải tuân thủ các quy định có liên quan đến giao, nhận điện theo các Quy định về lưới điện phân phối, Quy định về đo đếm điện và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến ngành điện.

13. Thay đổi ngày vận hành thương mại

Trong thời hạn từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng trước ngày vận hành thương mại được ghi trong Phụ lục B, Bên bán phải xác nhận lại chính thức việc thay đổi ngày vận hành thương mại.

Điều 3. Đấu nối, đo đếm và vận hành

1. Trách nhiệm tại điểm giao nhận điện

Bên bán có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt các trang thiết bị để truyền tải và giao điện cho Bên mua tại điểm giao nhận điện phù hợp với Quy định về lưới điện phân phối và các quy định khác có liên quan. Bên mua có trách nhiệm hợp tác với Bên bán thực hiện việc lắp đặt này.

2. Đấu nối

a) Bên bán có trách nhiệm đầu tư, xây dựng, vận hành và bảo dưỡng các thiết bị đấu nối để đấu nối nhà máy với lưới điện phân phối và hệ thống SCADA phù hợp với Quy định về lưới điện phân phối và các quy định khác có liên quan. Bên bán phải chịu chi phí để nâng cấp hệ thống đo đếm tại trạm biến áp để đo điện năng tác dụng và phản kháng theo 2 chiều trên đường dây phân phối nối với nhà máy điện theo quy định tại Phụ lục C của Hợp đồng này.

b) Bên mua có quyền xem xét thiết kế, kiểm tra tính đầy đủ của thiết bị bảo vệ. Bên mua phải thông báo cho Bên bán kết quả thẩm định bằng văn bản trong thời hạn ba 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được toàn bộ hồ sơ kỹ thuật liên quan đến thiết kế. Bên mua phải thông báo bằng văn bản tất cả các lỗi thiết kế được phát hiện. Bên bán phải thực hiện các sửa đổi bổ sung do Bên mua đề xuất phù hợp với Quy định về lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải theo cấp điện áp đầu nối của nhà máy.

c) Bên mua có trách nhiệm cho nhà máy điện của Bên bán đầu nối vào lưới điện của Bên mua sau khi Bên bán đã thực hiện xong các yêu cầu bổ sung sửa đổi của Bên mua và hợp tác với Bên bán để hoàn tất việc chạy thử, nghiệm thu nhà máy điện.

3. Tiêu chuẩn đầu nối

Các thiết bị của Bên bán và của Bên mua phải được lắp đặt, vận hành và đầu nối theo Quy định về lưới điện phân phối.

4. Kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn đầu nối

Khi có thông báo trước theo quy định, mỗi bên có quyền kiểm tra thiết bị đầu nối của bên kia để đảm bảo việc thực hiện theo Quy định về lưới điện phân phối. Việc kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến hoạt động của bên được kiểm tra. Trong trường hợp thiết bị của bên được kiểm tra không đáp ứng các điều kiện vận hành và bảo dưỡng, bên kiểm tra phải thông báo cho bên được kiểm tra những điểm cần hiệu chỉnh. Bên được kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết khi có yêu cầu hiệu chỉnh hợp lý từ bên kiểm tra.

5. Máy phát kích từ

Nếu nhà máy điện của Bên bán có máy phát kích từ, Bên bán phải lắp đặt tụ điện hiệu chỉnh hệ số công suất riêng cho từng máy phát. Các tụ điện đó phải được đóng và cắt đồng thời với mỗi máy phát kích từ. Trị số định mức kVAR của các tụ điện phải đảm bảo giá trị tiêu chuẩn cao nhất nhưng không vượt quá yêu cầu không tải kVAR của các máy phát. Bên bán phải thanh toán cho Bên mua chi phí điện tiêu thụ để vận hành máy phát kích từ trong trường hợp điện tiêu thụ lấy từ lưới điện của Bên mua theo giá điện bán lẻ ở cấp điện áp tương ứng. Khoản thanh toán này được quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này.

6. Đo đếm

a) Bên bán phải:

- Lắp đặt và bảo dưỡng thiết bị đo đếm chính và thiết bị đo đếm dự phòng được sử dụng để đo đếm điện năng và lập hoá đơn;

- Cung cấp địa điểm lắp đặt thiết bị đo đếm nếu điểm đầu nối tại nhà máy điện.

b) Thiết bị đo đếm phải:

- Phù hợp với Quy định về đo đếm và các quy định liên quan khác;

- Có khả năng lưu giữ và ghi lại điện năng tác dụng và phản kháng và theo hai chiều;

- Có khả năng truyền các dữ liệu đến các địa điểm theo yêu cầu của Bên mua;

- Được niêm phong kẹp chì, có khả năng ghi và lưu trữ dữ liệu lớn.

7. Đọc chỉ số công tơ

Vào ngày 01 hàng tháng, Bên mua và Bên bán cùng đọc chỉ số của công tơ tự động chốt vào lúc 24 giờ 00 ngày cuối cùng của tháng trước liền kề để xác nhận lượng điện năng giao nhận của tháng trước liền kề đó. Nếu ngày 01 của tháng vận hành trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày đọc chỉ số công tơ sẽ được dời lại đến ngày làm việc kế tiếp liền kề hoặc có thỏa thuận khác.

Sau khi đã thông báo theo quy định, Bên mua được vào nhà máy điện hoặc nơi lắp đặt thiết bị đo đếm để đọc chỉ số, kiểm tra công tơ và thực hiện các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng này. Việc Bên mua vào nhà máy phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Bên bán. Các nhân viên hoặc Kiểm tra viên điện lực do Bên mua cử đến khi vào nhà máy điện phải tuân thủ các quy định về an toàn và nội quy của nhà máy điện.

8. Độ chính xác của thiết bị đo đếm

Tất cả các thiết bị đo đếm điện năng mua bán của nhà máy điện phải được kiểm định ban đầu và kiểm định định kỳ theo quy định hoặc theo thỏa thuận (nếu có) nhưng phải phù hợp với quy định về chu kỳ kiểm định phương tiện đo lường, chi phí kiểm định do bên Bán chi trả. Trường hợp cần thiết, một bên có thể đề xuất kiểm định độ chính xác của bất cứ thiết bị đo đếm nào, chi phí kiểm định sẽ do bên đề xuất thanh toán. Kết quả kiểm định thiết bị đo đếm phải được thông báo cho bên kia biết khi được yêu cầu. Trường hợp thiết bị đo đếm có sai số lớn hơn mức cho phép trong các quy định về đo đếm, Bên bán chịu trách nhiệm hiệu chỉnh hoặc thay thế và hoàn trả khoản tiền thu thừa cho Bên mua cộng với tiền lãi của khoản tiền thu thừa tính theo lãi suất cơ bản và chi phí kiểm định thiết bị đo đếm điện. Mỗi bên được thông báo trước và có quyền cử người tham gia chứng kiến dỡ niêm phong, kiểm tra, kiểm định và niêm phong kẹp chì công tơ.

Trường hợp một bên cho rằng công tơ bị hỏng hoặc không hoạt động thì bên đó phải thông báo ngay cho bên kia, bên có công tơ phải kiểm tra và sửa chữa.

9. Kiểm định thiết bị đo đếm

Việc kiểm tra, kiểm định thiết bị đo đếm hoặc xác nhận độ chính xác của thiết bị đo đếm phải thực hiện theo Quy định về đo đếm do tổ chức có thẩm quyền hoặc được chỉ định thực hiện. Việc kiểm định được tiến hành trước khi sử dụng thiết bị đo đếm lần đầu để ghi nhận điện năng mua bán của nhà máy điện.

Tất cả thiết bị đo đếm được niêm phong, kẹp chì và khoá lại sau khi kiểm định và Bên mua có quyền chứng kiến quá trình này.

10. Chuyển quyền sở hữu điện

Tại điểm giao nhận điện, quyền sở hữu điện được chuyển từ Bên bán sang Bên mua. Tại điểm này, Bên mua có quyền sở hữu, kiểm soát và chịu trách nhiệm về lượng điện đã nhận. Điện năng được truyền tải bằng dòng điện xoay chiều 3 pha, tần số 50 Hz với mức điện áp quy định trong Phụ lục B của Hợp đồng này.

11. Vận hành

Bên bán phải vận hành nhà máy điện phù hợp với Quy định về lưới điện phân phối, lưới điện truyền tải, Quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành điện, Quy định vận hành hệ thống điện và các quy định có liên quan.

Điều 4. Lập hoá đơn và thanh toán

1. Lập hoá đơn

Hàng tháng, Bên mua và Bên bán cùng đọc chỉ số công tơ theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 của Hợp đồng này để xác định lượng điện năng giao nhận trong tháng.

Bên bán sẽ ghi chỉ số công tơ theo mẫu biên bản quy định tại Phụ lục D có xác nhận của đại diện Bên mua.

Bên bán có trách nhiệm ký Hợp đồng ủy thác với Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng tại địa phương nơi đặt nhà máy.

Bên mua có trách nhiệm thanh toán tiền điện, tiền dịch vụ môi trường rừng và thuế tài nguyên nước cho Bên bán theo quy định tại Phụ lục A.

Bên bán có trách nhiệm thực hiện việc nộp cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và Cục thuế tại địa phương nơi đặt nhà máy tiền dịch vụ môi trường rừng và thuế tài nguyên nước sau khi Bên mua thực hiện thanh toán cho Bên bán.

Bên bán cung cấp cho Bên mua một bản sao y các Biên lai nộp tiền dịch vụ môi trường rừng và thuế tài nguyên nước ngay sau khi Bên mua thanh toán cho Bên bán không quá 05 ngày làm việc.

Bên bán gửi hồ sơ thanh toán cho Bên mua trong vòng mười (10) ngày làm việc sau khi đọc chỉ số công tơ. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán;
- Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và điện năng giao nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục D;
- Bản tính toán chi tiết tiền điện, dịch vụ môi trường rừng và thuế tài nguyên nước của Bên bán theo quy định tại Phụ lục A của Hợp đồng;
- Hóa đơn thanh toán được lập theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thanh toán

Bên mua thanh toán cho Bên bán toàn bộ lượng điện năng đã nhận không muộn hơn ngày đến hạn thanh toán quy định tại Khoản 16, Điều 1 và theo biểu giá quy định tại Phụ lục A của Hợp đồng này. Đối với bất cứ khoản tiền nào đã được các bên thống nhất mà không được thanh toán trong thời hạn nêu trên thì phải trả lãi bằng lãi suất cơ bản được tính hàng tháng cho toàn bộ khoản tiền chậm trả tính từ ngày sau ngày đến hạn thanh toán (trừ trường hợp có tranh chấp về hóa đơn thanh toán).

Trường hợp Bên mua không cùng đọc chỉ số công tơ theo quy định tại Khoản 1 của Điều này, Bên mua vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên bán lượng điện năng giao và nhận theo quy định.

Thông tin Đơn vị thụ hưởng và tài khoản thanh toán như sau:

- Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TM DV SX CÁT NAM.

Mã số thuế : 0302337793

Tài khoản : 002700 4100 6969 tại Ngân Hàng Bản Việt – Chi Nhánh TP.Hồ Chí Minh.

Tài khoản thanh toán của bên bán phải là tài khoản đã đăng ký hoặc thông báo với cơ quan thuế.

3. Ước tính lượng điện năng bán

Trường hợp không có đủ dữ liệu cần thiết để xác định lượng điện năng hoặc khoản thanh toán Bên mua nợ Bên bán, trừ các trường hợp nêu tại Khoản 4 Điều này, Bên bán phải ước tính các dữ liệu đó và điều chỉnh khoản thanh toán đúng với thực tế trong các lần thanh toán tiếp theo.

4. Thứ tự áp dụng và thay thế chỉ số công tơ

Để xác định lượng điện năng Bên mua đã nhận và chấp nhận trong một kỳ thanh toán, việc ghi sản lượng điện, lập hoá đơn và thanh toán phải dựa trên các số liệu ước tính theo thứ tự sau:

a) Chỉ số công tơ chính của nhà máy điện trong kỳ thanh toán, có cấp chính xác phù hợp với quy định tại Khoản 8, Điều 3 của Hợp đồng này.

b) Chỉ số công tơ dự phòng của nhà máy điện, khi công tơ dự phòng được sử dụng để đo đếm lượng điện năng giao nhận phải có cấp chính xác phù hợp với quy định tại Khoản 8, Điều 3 của Hợp đồng này và được sự chấp thuận của Bên mua sau khi có văn bản thông báo của Bên bán.

c) Khi tất cả các công tơ không ghi lại chính xác lượng điện năng giao nhận, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo các số liệu trung bình tháng (nếu có) của nhà máy điện trong cùng kỳ thanh toán của năm trước năm hợp đồng và phải được điều chỉnh hợp lý cho giai đoạn lập hoá đơn cụ thể theo các số liệu có sẵn tương ứng ảnh hưởng đến việc phát điện của nhà máy điện như lượng mưa, lưu lượng nước về, lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế, suất hao nhiệt trung bình, số giờ vận hành, thời gian vận hành của tổ máy phát điện và lượng

điện tự dùng (gọi chung là “các Thông số vận hành”) trong thời gian công tơ bị hỏng.

Khi không có các số liệu tin cậy, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo lượng điện năng trung bình tháng của nhà máy điện của 06 (sáu) kỳ thanh toán ngay trước khi công tơ hư hỏng (hoặc ít hơn nếu nhà máy điện vận hành chưa được sáu tháng) và phải được điều chỉnh theo thời gian ngừng máy hoặc theo các Thông số vận hành.

5. Tranh chấp hóa đơn

Trường hợp một bên không đồng ý với toàn bộ hoặc một phần của hóa đơn về sản lượng điện hoặc lượng tiền thanh toán thì có quyền thông báo bằng văn bản tới bên kia trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi nhận được hóa đơn hợp lệ.

Trường hợp việc giải quyết tranh chấp theo Điều 7 của Hợp đồng này mà Bên bán đúng thì Bên mua phải thanh toán cho Bên bán khoản tiền tranh chấp cộng với phần lãi tính theo lãi suất cơ bản, ghép lãi hàng tháng từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày thanh toán số tiền tranh chấp.

Nếu Bên mua đúng thì Bên bán phải hoàn lại số tiền tranh chấp đã nhận trước đó cộng với phần lãi tính theo lãi suất cơ bản, ghép lãi hàng tháng từ ngày nhận được khoản tiền thanh toán đến ngày thanh toán khoản tiền tranh chấp, trừ trường hợp Bên mua chưa thanh toán khoản tiền tranh chấp cho Bên Bán.

Tất cả các thanh toán trong mục này phải được thực hiện trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có quyết định giải quyết tranh chấp cuối cùng theo Điều 7 của Hợp đồng này.

Điều 5. Bất khả kháng

1. Bất khả kháng

Bất khả kháng theo Hợp đồng này là các sự kiện xảy ra nằm ngoài khả năng kiểm soát và không phải do không thực hiện, vô ý, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng của một bên, bao gồm các sự kiện sau:

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên.

b) Sau ngày vận hành thương mại, Bên bán không thể có được các giấy phép hoặc phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mặc dù đã nỗ lực hợp lý.

c) Thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, lũ lụt, sóng thần, bệnh dịch hay động đất.

d) Bạo động, nổi loạn, chiến sự, chống đối, phá hoại, cấm vận, bao vây, phong tỏa, bất cứ hành động chiến tranh nào hoặc hành động thù địch cộng đồng cho dù chiến tranh có được tuyên bố hay không.

đ) Quốc hữu hóa, sung công hoặc tịch thu tài sản của Bên bán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

e) Những nguyên nhân khác nằm ngoài khả năng kiểm soát và không phải do lỗi của bên viện dẫn sự kiện bất khả kháng.

2. Những trường hợp không được viện dẫn bất khả kháng:

Các sự kiện sau đây sẽ không được coi là sự kiện bất khả kháng:

a) Sự vi phạm các nghĩa vụ Hợp đồng của một Bên xảy ra trước thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng.

b) Việc chậm thanh toán cho sản lượng điện năng.

c) Một Bên không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này có nguyên nhân trực tiếp từ việc Bên đó không thực hiện đúng Quy chuẩn ngành điện và các quy định về lưới điện phân phối.

3. Thoả thuận về sự kiện bất khả kháng

Trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng, bên viện dẫn bất khả kháng phải:

a) Nhanh chóng gửi thông báo bằng văn bản tới bên kia về sự kiện bất khả kháng, nêu rõ lý do, đưa ra những bằng chứng đầy đủ chứng minh về sự kiện bất khả kháng đó và đưa ra dự kiến về thời gian và tầm ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng tới khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình.

b) Nỗ lực với tất cả khả năng của mình để thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.

c) Nhanh chóng thực hiện các hành động cần thiết để khắc phục sự kiện bất khả kháng và cung cấp bằng chứng để chứng minh việc đã nỗ lực hợp lý để khắc phục sự kiện bất khả kháng.

d) Thực hiện các biện pháp cần thiết để giảm thiểu tác hại tới các bên trong Hợp đồng.

đ) Nhanh chóng thông báo tới các bên về sự chấm dứt của sự kiện bất khả kháng.

4. Hệ quả của sự kiện bất khả kháng

Trường hợp sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp tại Khoản 3 Điều này mà không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này vì sự kiện bất khả kháng, bên vi phạm sẽ được miễn phần trách nhiệm liên quan tới việc không thực hiện được nghĩa vụ theo Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

5. Thời hạn của sự kiện bất khả kháng

Trường hợp do sự kiện bất khả kháng mà một bên không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này trong thời hạn 01 (một) năm, bên kia có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày thông báo bằng văn bản, trừ khi nghĩa vụ đó được thực hiện trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày nêu trên; miễn là Bên mua không lựa chọn chấm dứt Hợp đồng theo sự kiện bất khả kháng được nêu tại Điểm b và Điểm đ, Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Thời hạn hợp đồng, các sự kiện ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng, bồi thường thiệt hại và đình chỉ thực hiện Hợp đồng

1. Thời hạn của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt sau 20 (hai mươi) năm kể từ ngày vận hành thương mại. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, các bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện việc lập hoá đơn lần cuối, điều chỉnh hoá đơn, thanh toán, hoàn tất các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

2. Các sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng của Bên mua

a) Bên bán không thực hiện được ngày vận hành thương mại như quy định trong Phụ lục B trong thời hạn 03 (ba) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng.

b) Bên bán bị rơi vào tình trạng giải thể hoặc phá sản.

c) Bên bán không thực hiện hoặc tuân thủ các nội dung của Hợp đồng trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của Bên mua.

Trường hợp Bên bán hoặc Bên cho vay của Bên bán đã cố gắng khắc phục sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trên nhưng việc khắc phục không thể hoàn thành trong thời hạn đó thì Bên bán hoặc Bên cho vay của Bên bán được kéo dài thời hạn khắc phục tối đa là 01 (một) năm kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng. Bên bán phải tiếp tục hoàn thành khắc phục sự kiện trong thời gian ngắn nhất, trừ các trường hợp được nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này.

d) Bên bán không thanh toán khoản tiền thanh toán không tranh chấp theo Hợp đồng khi đến hạn và việc không thanh toán này tiếp tục kéo dài hơn 90 (chín mươi) ngày mà không có lý do chính đáng.

đ) Bên bán phủ nhận hiệu lực của một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng.

e) Vi phạm nghiêm trọng các cam kết của Bên bán theo Điều 11 của Hợp đồng này.

3. Các sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng của Bên bán

a) Bên mua bị rơi vào tình trạng phá sản, giải thể hoặc bị phát mãi tài sản;

b) Bên mua không thực hiện hoặc tuân thủ các nội dung của Hợp đồng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của Bên bán.

Trường hợp Bên mua hoặc Bên cho vay của Bên mua đã cố gắng khắc phục hợp lý sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày nhưng việc khắc phục không thể hoàn thành trong thời hạn đó thì Bên mua hoặc bên cho vay của Bên mua được phép kéo dài thời hạn khắc phục tối đa là 01 (một) năm kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng. Bên mua phải tiếp tục hoàn thành khắc phục sự kiện trong thời gian ngắn nhất, trừ các trường hợp được nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này.

c) Bên mua không thanh toán khoản tiền thanh toán không tranh chấp theo Hợp đồng khi đến hạn và việc không thanh toán này tiếp tục kéo dài hơn 90 (chín mươi) ngày mà không có lý do chính đáng.

d) Bên mua phủ nhận hiệu lực của một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng.

đ) Vi phạm nghiêm trọng các cam kết của Bên mua tại Điều 11 của Hợp đồng này.

4. Quy trình khắc phục và giải quyết sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng

a) Trường hợp có sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện hợp đồng, bên bị ảnh hưởng phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên gây ra ảnh hưởng và Bên cho vay của bên gây ra ảnh hưởng. Trường hợp bên bị ảnh hưởng không thể gửi thông báo bằng văn bản cho Bên cho vay của bên gây ra ảnh hưởng, bên bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên gây ra ảnh hưởng gửi thông báo sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện hợp đồng cho Bên cho vay. Bên gây ra ảnh hưởng và Bên cho vay của bên gây ra ảnh hưởng phải hợp tác để giải quyết sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện hợp đồng.

b) Bên cho vay của bên gây ra ảnh hưởng có quyền chỉ định bên thứ ba hoặc thay thế bên gây ra ảnh hưởng để khắc phục sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản đến bên bị ảnh hưởng. Trong trường hợp này, việc thay thế không được làm tăng gánh nặng tài chính của bên bị ảnh hưởng. Bên bị ảnh hưởng phải chấp nhận việc thay thế hoặc chỉ định bên thứ ba của Bên cho vay để khắc phục sự kiện làm ảnh hưởng việc thực hiện hợp đồng. Bên cho vay của bên gây ra ảnh hưởng sẽ thông báo bằng văn bản đến bên bị ảnh hưởng về dự kiến khắc phục sự kiện thay bên gây ra ảnh hưởng và thỏa thuận với bên bị ảnh hưởng một khoảng thời gian hợp lý tính từ khi có thông báo để thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thay bên gây ra ảnh hưởng.

5. Bồi thường thiệt hại

a) Bên gây ra ảnh hưởng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự kiện gây ra cho bên bị ảnh hưởng. Giá trị bồi thường bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị ảnh hưởng phải chịu do bên kia gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị ảnh hưởng được hưởng nếu không có sự kiện.

b) Bên bị ảnh hưởng phải chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất do sự kiện gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị ảnh hưởng đáng lẽ được hưởng nếu không có sự kiện.

6. Đình chỉ thực hiện Hợp đồng

Trường hợp sự kiện làm ảnh hưởng thực hiện hợp đồng không giải quyết được theo Khoản 4 Điều này, bên bị ảnh hưởng có thể tiếp tục yêu cầu bên gây ra ảnh hưởng khắc phục sự kiện hoặc có thể đình chỉ thực hiện Hợp đồng bằng cách gửi thông báo đến bên gây ra ảnh hưởng. Sau khi bên bị ảnh hưởng lựa chọn đình chỉ thực hiện hợp đồng theo điều kiện của Hợp đồng này, các bên

không phải thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng, trừ các trường hợp được nêu trong Khoản 1 của Điều này và bên bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên gây ra ảnh hưởng bồi thường thiệt hại.

Trường hợp Bên bán là bên bị ảnh hưởng lựa chọn đình chỉ thực hiện Hợp đồng, giá trị bồi thường thiệt hại được tính bằng giá trị sản lượng điện phát thực tế của Bên bán trong thời gian một năm trước đó tính đến thời điểm đình chỉ thực hiện Hợp đồng.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

1. Trường hợp xảy ra tranh chấp giữa các bên trong Hợp đồng, bên tranh chấp phải thông báo bằng văn bản cho bên kia về nội dung tranh chấp. Các bên có trách nhiệm trao đổi để giải quyết tranh chấp trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày có thông báo của bên đưa ra tranh chấp. Đối với các tranh chấp về thanh toán các khoản chi phí, các bên có trách nhiệm trao đổi trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày. Các bên có quyền thỏa thuận bằng văn bản về việc kéo dài thời hạn trao đổi để giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp hai bên không thể giải quyết tranh chấp bằng thông qua trao đổi trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này, hai bên thống nhất chuyển vụ việc tranh chấp đến Cục Điều tiết điện lực hoặc cơ quan giải quyết tranh chấp khác do hai bên thống nhất lựa chọn để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Ủy thác, chuyển nhượng và tái cơ cấu

1. Ủy thác và chuyển nhượng

Trong trường hợp Hợp đồng này được ủy thác hoặc chuyển nhượng thực hiện, quy định về quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực đối với đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền của các bên.

Trong trường hợp Bên bán chuyển nhượng hoặc ủy thác việc thực hiện Hợp đồng phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên mua, trừ trường hợp Bên bán ủy quyền một phần hoặc toàn bộ cho Bên cho vay nhằm mục đích vay, mua trang thiết bị hoặc xây dựng nhà máy điện. Nếu phần ủy thác của Bên bán có giá trị xấp xỉ giá trị các thiết bị có thể vận hành thì đó là việc ủy thác hợp lệ theo Hợp đồng này.

Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi hai bên hoàn tất thủ tục ủy thác chuyển nhượng, Bên ủy thác hay chuyển nhượng phải thông báo bằng văn bản tới bên kia về việc ủy thác hay chuyển nhượng.

2. Tái cơ cấu

Trong trường hợp tái cơ cấu ngành điện ảnh hưởng tới các quyền hoặc nghĩa vụ của Bên bán hoặc Bên mua trong Hợp đồng này, thì việc thực hiện hợp đồng sẽ được chuyển sang cho các đơn vị tiếp nhận. Bên mua có trách nhiệm xác nhận và bảo đảm bằng văn bản về việc các đơn vị tiếp nhận sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ mua điện hoặc phân phối điện và các quyền lợi và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này.

Điều 9. Tham gia thị trường điện

1. Lựa chọn tham gia thị trường điện

Bên bán sở hữu nhà máy thủy điện nhỏ đáp ứng các điều kiện qui định tại Điều 9 Thông tư Quy định về trình tự xây dựng, áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ và thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này có quyền lựa chọn để nhà máy tham gia thị trường điện.

2. Chấm dứt và thanh lý Hợp đồng để tham gia thị trường điện

Đối với Bên bán đang áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và đã ký Hợp đồng mua bán điện mẫu, khi tham gia thị trường điện, Bên bán phải ký Thỏa thuận với Bên mua chấm dứt và thanh lý Hợp đồng trước thời hạn theo đúng các qui định trong Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên và các qui định có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 10. Các thỏa thuận khác

1. Sửa đổi Hợp đồng

Các bên không được tự ý sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này, trừ trường hợp có thỏa thuận bằng văn bản được người có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận.

2. Trách nhiệm hợp tác

Bên bán có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan tới nhà máy điện. Bên mua có trách nhiệm hợp tác với Bên bán để có được giấy phép, sự phê chuẩn, sự cho phép và phê duyệt cần thiết từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới địa điểm nhà máy, nhiên liệu, kiểm soát những nguồn tài nguyên, đầu tư, truyền dẫn hoặc bán điện năng, sở hữu và vận hành nhà máy điện, kể cả việc cung cấp các tài liệu bổ sung hoặc các tài liệu ở dạng lưu trữ và thực hiện các hoạt động cần thiết hợp lý khác để thực hiện thỏa thuận của các bên.

3. Hợp đồng hoàn chỉnh

Hợp đồng này là thỏa thuận hoàn chỉnh cuối cùng giữa các bên tham gia và thay thế các nội dung đã thảo luận, thông tin, thư tín trao đổi trước khi ký kết liên quan tới Hợp đồng này.

4. Luật áp dụng

Việc giải thích và thực hiện Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Sự không thực hiện quyền

Việc một bên không thực hiện quyền của mình theo Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào sẽ không làm ảnh hưởng việc thực thi các quyền theo Hợp đồng về sau. Các bên đồng ý rằng việc tuyên bố không thực hiện quyền của một bên đối với bất kỳ cam kết hoặc điều kiện nào theo Hợp đồng, hoặc bất kỳ sự vi phạm hợp đồng, sẽ không được xem như là bên đó từ bỏ quyền tương tự về sau.

6. Tính độc lập của các nội dung hợp đồng

Trường hợp có nội dung nào trong Hợp đồng này được cho là không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc vô hiệu theo phán quyết của toà án, thì các nội dung khác của Hợp đồng vẫn có hiệu lực, nếu phần còn lại thể hiện đầy đủ nội dung mà không cần tới phần bị vô hiệu.

7. Thông báo

Bất kỳ thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin khác cần thiết trong quá trình thực hiện Hợp đồng này phải nêu rõ ngày lập và sự liên quan đến Hợp đồng. Các thông báo, hoá đơn hoặc trao đổi thông tin phải được lập bằng văn bản và được chuyển bằng các dịch vụ bưu điện hoặc fax. Trường hợp gửi bằng fax thì phải gửi bản gốc đến sau bằng dịch vụ bưu điện với bưu phí đã được trả trước. Thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin phải được gửi tới các địa chỉ sau:

a) Bên bán: CÔNG TY TNHH TM DV SX CÁT NAM

Địa chỉ VPGD : số 463 đường 30/4, P.Phú Thọ, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại VPGD : 06503.811124 Fax VPGD : 06503811522

Mail VPGD : Trinhchaungoc@yahoo.com.vn

Đại diện VPGD : Châu Ngọc Trinh ĐTDĐ : 0918119529

Chức vụ : Phó Giám đốc

b) Bên mua: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

- Địa chỉ : 72 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : (08)38.221.605 Fax: (08)38.221.751

c) Trong các thông báo, kể cả thông báo chỉ định bên cho vay, các bên có thể nêu rõ địa chỉ người gửi hoặc người nhận khác theo hình thức quy định tại Khoản này.

d) Mỗi thông báo, hoá đơn hoặc các loại trao đổi thông tin khác được gửi bằng thư, giao nhận căn cứ theo dấu bưu điện hoặc xác nhận đã nhận đối với fax tại thời điểm chúng được giao tới địa chỉ người nhận hoặc tại thời điểm bị từ chối nhận bởi bên nhận với địa chỉ nêu trên.

8. Bảo mật

Bên mua đồng ý bảo mật các thông tin của nhà máy trong phụ lục Hợp đồng, trừ trường hợp các thông tin này đã được Bên bán hoặc Cục Điều tiết điện lực công bố trước đó.

9. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Sau 20 (hai mươi) năm kể từ ngày vận hành thương mại;

b) Một bên có quyền chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng mà bên kia không thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng trong thời gian kéo

dài hơn 01 (một) năm. Trong trường hợp này, việc chấm dứt hợp đồng phải được thực hiện theo trình tự tại Khoản 5, Điều 5 Hợp đồng này.

c) Khi Bên bán tham gia thị trường điện.

Điều 11. Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết thực hiện Hợp đồng này như sau:

1. Mỗi bên được thành lập hợp pháp để hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.
2. Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này của mỗi bên được thực hiện đúng theo điều kiện và nội dung của Giấy phép hoạt động điện lực do cơ quan có thẩm quyền cấp và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Các bên không có hành vi pháp lý hoặc hành chính ngăn cản hoặc làm ảnh hưởng bên kia thực hiện Hợp đồng này.
4. Hợp đồng này quy định nghĩa vụ hợp pháp và bắt buộc đối với các bên theo các nội dung của Hợp đồng.
5. Việc ký kết và thực hiện của một bên trong Hợp đồng này không vi phạm với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng khác hoặc là một phần văn bản của một Hợp đồng khác mà bên đó là một bên tham gia.

Hợp đồng này được lập thành 09 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 04 bản, Bên bán có trách nhiệm gửi một bản Hợp đồng mua bán điện tới Cục Điều tiết điện lực.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN



La Lễ Tài
Tổng Giám đốc
CÔNG TY TNHH TM DV SX
CÁT NAM

ĐẠI DIỆN BÊN MUA



NGUYỄN VĂN HỢP
Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN
NAM TNHH

Phụ lục A
THANH TOÁN TIỀN MUA BÁN ĐIỆN
(Theo Quy định của Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 09/10/2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. Giá mua bán điện:

1. Giá bán điện của nhà máy theo thời gian trong ngày và theo mùa trong năm được áp dụng theo Biểu giá chí phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực công bố hàng năm.

- Hai bên cùng thực hiện theo Biểu giá chí phí tránh được năm 2016 cho các nhà máy nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo như sau:

	Mùa khô			Mùa mưa (từ 01/07 đến 31/10)			
	Giờ Cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Giờ Cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Phần điện năng dư
Giá điện năng (đ/kWh)	637	638	642	636	644	652	326
Giá công suất (đ/kWh)	2.242						

Trong đó: Giá bán điện theo giờ cao điểm mùa khô = Giá điện năng giờ cao điểm mùa khô + Giá công suất giờ cao điểm mùa khô.

- Thời gian bán điện trong ngày theo mùa trong năm được áp dụng theo quy định trong văn bản hướng dẫn áp dụng biểu giá bán lẻ hiện hành.

2. Khi giá điện thay đổi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc Cục điều tiết Điện lực - Bộ Công Thương công bố hàng năm thì hai Bên thực hiện mua bán điện với biểu giá mới và các bên không phải ký lại hợp đồng.

3. **Điện năng dư (A_{dur})** là lượng điện năng sản xuất được tích lũy trong mùa mưa ($A_{sx \text{ mùa mưa}}$) của năm hợp đồng vượt quá lượng điện năng của Nhà máy phát điện định mức ($A_{dm \text{ mùa mưa}}$) trong mùa mưa với hệ số phụ tải (K_{pt}) trong mùa mưa là 0,85. Điện năng dư của Nhà máy trong mùa mưa được tính theo công thức:

$$A_{dur} = A_{sx \text{ mùa mưa}} - A_{dm \text{ mùa mưa}}$$

$$A_{dm \text{ mùa mưa}} = P_{dm} \times T \times K_{pt} \times 1000 = 4MW \times 2952 \text{ giờ} \times 0,85 \times 1000$$

$$= 10.036.800 \text{ kWh}$$

Trong đó:

P_{dm} : Công suất phát điện định mức của nhà máy: 4 MW

T : Số giờ phát điện tối đa của Nhà máy trong mùa mưa [giờ]

$T = 24 \text{ giờ} \times 123 \text{ ngày (từ tháng 07 đến tháng 10)} = 2952 \text{ giờ}$

K_{pt} : Hệ số phụ tải trong mùa mưa là 0,85 theo quy định của Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 09/10/2014.

Điện năng dư được áp dụng trong suốt thời hạn của Hợp đồng và sẽ được áp dụng các quy trình, văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hợp lệ của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

II. Tính tiền thanh toán:

Bên mua sẽ thanh toán cho Bên bán tiền điện, tiền dịch vụ môi trường rừng và tiền thuế tài nguyên nước theo toàn bộ lượng điện năng đã nhận, theo Quy định tại Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 09/10/2014.

1. Tính toán tiền điện:

Công thức tính tiền thanh toán cho mỗi giai đoạn thanh toán theo mùa như sau:

1.1. Trong mùa khô:

$$M_{i-dn} = (1 + t_{dn}) \times (A_{i-B_1} \times G_{B_1} + A_{i-B_2} \times G_{B_2} + A_{i-B_3} \times G_{B_3})$$

Trong đó :

$A_{i-B_1}, A_{i-B_2}, A_{i-B_3}$	: lần lượt là sản lượng nhà máy phát trong giờ bình thường, cao điểm và thấp điểm trong tháng thứ i [kWh].
$G_{B_1}, G_{B_2}, G_{B_3}$	: lần lượt là giá bán điện trong giờ bình thường, cao điểm và thấp điểm được qui định tại Biểu giá chỉ phí tránh được – mùa khô – hiện hành [đồng/kWh].
t_{dn}	: thuế suất thuế giá trị gia tăng (VAT) tính theo quy định của Nhà nước tại thời điểm hiện hành [%].
M_{i-dn}	: số tiền điện Bên mua phải thanh toán cho Bên bán theo sản lượng nhà máy phát được trong tháng thứ i [đồng].

1.2. Trong mùa mưa:

$$A_{lk \text{ tháng } i} = \sum_{j=7}^i A_j \quad (7 \leq i \leq 10)$$

1.2.1. Nếu $A_{lk \text{ tháng } i} \leq A_{dm \text{ mùa mưa}}$

$$M_{i-dn} = (1 + t_{dn}) \times (A_{i-B_1} \times G_{B_1} + A_{i-B_2} \times G_{B_2} + A_{i-B_3} \times G_{B_3})$$

1.2.2. Nếu $A_{lk \text{ tháng } i} > A_{dm \text{ mùa mưa}}$

a. Trong tháng i :

$$A_{dm-i} = A_{dm \text{ mùa mưa}} - \sum_{j=7}^{i-1} A_{\text{tháng } j}$$

$$A_i = (A_{i-B_1} + A_{i-B_2} + A_{i-B_3})$$

$$A_{du-i} = A_i - A_{dm-i}$$

$$M_{i-dn} = (1 + t_{dn}) \times \left[\frac{A_{i-B_1}}{A_i} A_{dm-i} \times G_{B_1} + \frac{A_{i-B_2}}{A_i} A_{dm-i} \times G_{B_2} + \frac{A_{i-B_3}}{A_i} A_{dm-i} \times G_{B_3} + A_{du-i} \times G_{du} \right]$$

b. Sau tháng i :

$$M_{k-dn} = (1 + t_{dn}) \times (A_{k-B_1} + A_{k-B_2} + A_{k-B_3}) \times G_{du} \quad (i < k \leq 10)$$

Trong đó :

- $A_{i-B_1}, A_{i-B_2}, A_{i-B_3}$: lần lượt là sản lượng nhà máy phát trong giờ bình thường, cao điểm và thấp điểm trong tháng thứ i [kWh].
- $A_{k-B_1}, A_{k-B_2}, A_{k-B_3}$: lần lượt là sản lượng nhà máy phát trong giờ bình thường, cao điểm và thấp điểm trong tháng thứ k [kWh].
- $A_{lk \text{ tháng } i}$: sản lượng điện năng lũy kế các tháng trong mùa mưa tính đến cuối tháng thứ i (từ tháng 7 đến tháng 10 của năm hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán [kWh].
- A_i, A_j : sản lượng nhà máy phát được trong tháng thứ i, j [kWh].
- $A_{dm \text{ mùa mưa}}$: tổng sản lượng điện năng định mức nhà máy được phát điện trong mùa mưa [kWh].
- A_{dm-i} : sản lượng điện năng định mức còn lại nhà máy được phát điện trong tháng thứ i của mùa mưa [kWh].
- A_{du-i} : sản lượng điện năng nhà máy phát dư so với định mức trong tháng thứ i của mùa mưa [kWh].
- $G_{B_1}, G_{B_2}, G_{B_3}$: lần lượt là giá bán điện trong giờ bình thường, cao điểm và thấp điểm được qui định tại Biểu giá chí phí tránh được – mùa mưa – hiện hành [đồng/kWh].
- G_{du} : giá bán điện ứng với phần sản lượng điện năng dư điểm được qui định tại Biểu giá chí phí tránh được – mùa mưa – hiện hành [đồng/kWh].
- t_{dn} : thuế suất thuế giá trị gia tăng (VAT) tính theo quy định của Nhà nước tại thời điểm hiện hành [%].
- M_{i-dn}, M_{k-dn} : số tiền điện Bên mua phải thanh toán cho Bên bán theo sản lượng nhà máy phát được trong tháng thứ i, k [đồng].

2. Tính toán tiền dịch vụ môi trường rừng:

a. Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng là 20 đồng/kWh điện năng thương phẩm. Sản lượng điện năng thương phẩm để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là sản lượng điện mà Bên bán bán cho Bên mua trong kỳ thanh toán.

b. Số tiền thanh toán cho dịch vụ môi trường rừng (chưa bao gồm thuế VAT) được tính theo sản lượng điện năng thương phẩm trong kỳ thanh toán và mức chi trả

tiền dịch vụ môi trường rừng quy định tại điểm a, Mục 2, Phần II của Phụ lục này.

c. Thuế VAT của dịch vụ môi trường rừng (t_{dvmtr}) là 10%.

d. Công thức tính:

$$M_{i-dvmtr} = (1 + t_{dvmtr}) \times (A_{i-B_1} + A_{i-B_2} + A_{i-B_3}) \times G_{dvmtr}$$

Trong đó :

$A_{i-B_1}, A_{i-B_2}, A_{i-B_3}$: lần lượt là sản lượng nhà máy phát trong giờ bình thường, cao điểm và thấp điểm trong tháng thứ i [kWh].

G_{dvmtr} : Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (20 đồng/kWh).

t_{dvmtr} : thuế suất thuế giá trị gia tăng (VAT) của dịch vụ môi trường rừng tính theo quy định của Nhà nước tại thời điểm hiện hành (10%).

$M_{i-dvmtr}$: số tiền dịch vụ môi trường rừng Bên mua phải thanh toán cho Bên bán theo sản lượng nhà máy phát được trong tháng thứ i, k [đồng].

Khi mức chi trả G_{ttnn} và thuế suất t_{ttnn} thay đổi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc có quyết định mới thay thế Quyết định số 567/QĐ-BCT ngày 26/3/2015 Bộ Tài chính thì hai Bên thực hiện theo mức chi trả G_{dvmtr} và thuế suất t_{dvmtr} mới, và các bên không phải ký lại hợp đồng.

Công ty có trách nhiệm ký Hợp đồng ủy thác với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng địa phương nơi nhà máy hoạt động và thực hiện nghĩa vụ đầy đủ.

3. Tính toán tiền thuế tài nguyên nước:

a. Mức chi trả tiền thuế tài nguyên nước được tính theo thuế suất thuế tài nguyên nước (t_{ttnn}) hiện hành là 4% và giá bán điện thương phẩm bình quân (G_{bq}). Trong đó:

- Từ ngày **01/01/2015 đến 15/3/2015**, giá bán điện thương phẩm bình quân ban hành kèm theo Quyết định số 2010/QĐ-BTC ngày 16/8/2013 Bộ Tài chính là 1.508,85 đồng/kWh.

- Từ ngày **16/3/2015 trở đi**, giá bán điện thương phẩm bình quân ban hành kèm theo Quyết định số 567/QĐ-BTC ngày 26/3/2015 Bộ Tài chính là 1.622,01 đồng/kWh.

b. Số tiền thanh toán thuế tài nguyên nước (chưa bao gồm thuế VAT) được tính theo sản lượng điện năng thương phẩm trong kỳ thanh toán và mức chi trả tiền thuế tài nguyên nước quy định tại điểm a, Mục 3, Phần II của Phụ lục này.

c. Thuế VAT của thuế tài nguyên nước (t_{ttnn}) là 10%.

d. Công thức tính:

$$M_{i-ttnn} = (1 + t_{ttnn}) \times (A_{i-B_1} + A_{i-B_2} + A_{i-B_3}) \times G_{ttnn}$$

Trong đó :

$A_{i-B_1}, A_{i-B_2}, A_{i-B_3}$: lần lượt là sản lượng nhà máy phát trong giờ bình thường, cao điểm và thấp điểm trong tháng thứ i [kWh].

G_{ttnn} : Mức chi trả tiền thuế tài nguyên nước, tính bằng

t_{ttnn}

M_{i-ttnn}

$$t_{ttnn} \times G_{bq}$$

- Từ 01/01-15/3/2015: $G_{ttnn} = 60,354$ đồng/kWh

- Từ 16/3/2015 trở đi: $G_{ttnn} = 64,8804$ đồng/kWh

: thuế suất thuế giá trị gia tăng (VAT) của thuế tài nguyên nước tính theo quy định của Nhà nước tại thời điểm hiện hành (10%).

: số tiền thuế tài nguyên nước Bên mua phải thanh toán cho Bên bán theo sản lượng nhà máy phát được trong tháng thứ i [đồng].

4. Tính toán tiền trong kỳ thanh toán i

Tổng tiền Bên mua trả cho Bên bán trong kỳ thanh toán i được tính như sau:

$$M_i = M_{i-dn} + M_{i-dvmtr} + M_{i-ttnn}$$

5. Bảng chiết tính tiền trong kỳ thanh toán i

Bảng chi tiết tiền thanh toán trong kỳ được lập như sau :

BIỂU GIÁ	SẢN LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1. Tiền điện:			
Biểu 1	A_{i-B1}	G_{B1}	$(1) = A_{i-B1} \times G_{B1}$
Biểu 2	A_{i-B2}	G_{B2}	$(2) = A_{i-B2} \times G_{B2}$
Biểu 3	A_{i-B3}	G_{B3}	$(3) = A_{i-B3} \times G_{B3}$
Điện năng dư	A_{du-i}	G_{du}	$(4) = A_{du-i} \times G_{du}$
TỔNG			$(5) = (1) + (2) + (3) + (4)$
VAT (t_{dn})			$(6) = (5) \times t_{dn}$
Tiền điện (M_{i-dn})			$(7) = (5) + (6)$
2. Tiền dịch vụ môi trường rừng:			
	$A_i = A_{i-B1} + A_{i-B2} + A_{i-B3} + A_{du-i}$	G_{dvmtr}	$(8) = A_i \times G_{dvmtr}$
	VAT (t_{dvmtr})		$(9) = (8) \times t_{dvmtr}$
	Tiền dịch vụ môi trường rừng ($M_{i-dvmtr}$)		$(10) = (8) + (9)$
3. Tiền thuế tài nguyên nước:			
	$A_i = A_{i-B1} + A_{i-B2} + A_{i-B3} + A_{du-i}$	G_{ttnn}	$(11) = A_i \times G_{ttnn}$
	VAT (t_{ttnn})		$(12) = (11) \times t_{ttnn}$
	Tiền thuế tài nguyên nước (M_{i-ttnn})		$(13) = (11) + (12)$
TỔNG TIỀN THANH TOÁN TRONG KỶ (M_i):			$(14) = (7) + (10) + (13)$

Lưu ý : tại mỗi bước tính, giá trị thành tiền là số nguyên được làm tròn theo nguyên tắc số thập phân thứ 1 lớn hơn 5 thì số phần nguyên tăng lên 1 đơn vị và nếu số thập phân thứ 1 nhỏ hơn 5 thì số phần nguyên giữ nguyên giá trị.

Phụ lục B
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN

I. Các thông số chung

1. Tên nhà máy điện: Nhà máy Thủy điện Bù Cà Mau.
2. Địa điểm nhà máy điện: xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.
3. Công suất định mức: 4MW.
4. Công suất bán cho Bên mua: tối thiểu 1 MW; tối đa 04 MW.
5. Công suất tự dùng của nhà máy điện: tối thiểu 03 kW; tối đa 25 kW.
6. Điện năng sản xuất hàng năm dự kiến: 16 triệu kWh.
7. Ngày vận hành thương mại: 12/2008.
8. Điện áp phát lên lưới phân phối: 22 kV.
9. Điểm đấu nối vào lưới điện: Tại trụ số 273B thuộc tuyến 475 trạm 110/22kV Phước Long.
10. Điểm đặt thiết bị đo đếm: tại trụ số 273B/1 (đo đếm chính) và trụ số 273B/2 (đo đếm dự phòng) của đường dây đấu nối Nhà Máy với lưới điện Quốc Gia.

II. Thông số vận hành của công nghệ cụ thể

1. Loại nhiên liệu : Nước
2. Công nghệ phát điện : Thủy điện
3. Đặc tính vận hành thiết kế : Liên tục
4. Lưu lượng về trung bình : $5 \text{ m}^3/\text{s}$
5. Thể tích hồ chứa : 150.000 m^3
6. Thời gian không có lưu lượng về : tháng 3,4,5.
7. Thời gian mà Bên mua phải dành cho Bên bán để khởi động và hòa đồng bộ tổ máy vào hệ thống điện của Bên mua sẽ thay đổi tùy theo trạng thái hiện tại của tổ máy.

Tình trạng tổ máy: Thời gian kể từ khi khởi động đến lúc hoà vào lưới như sau:

- Ngừng hoàn toàn: 30 giây.
 - Đang chạy không tải: 10 giây.
8. Tốc độ thay đổi phụ tải:
 - Giảm công suất: 0,5 MW/phút.
 - Tăng công suất: 0,5 MW/phút.
 9. Vận hành ổn định và thông báo ngừng hoạt động:

- Nhà máy sẽ thay đổi phụ tải và vận hành ở mức tải mới trong khoảng thời gian theo mệnh lệnh điều độ.

- Bên mua sẽ thông báo Bên bán tạm ngừng vận hành bằng mệnh lệnh điều độ.

10. Công suất phản kháng, điều chỉnh điện áp và giới hạn tần số:

Trong chế độ vận hành bình thường, Nhà máy sẽ vận hành theo mệnh lệnh điều độ và Nhà máy sẽ vận hành đảm bảo:

- Nhà máy phải phát công suất phản kháng vào hệ thống của Bên mua với hệ số công suất từ 0,85 trở lên.

- Điều chỉnh điện áp: Trong chế độ vận hành bình thường Nhà máy vận hành đảm bảo phạm vi dao động điện áp là +5% và -5% của điện áp danh định tại điểm đầu nối. Trong chế độ sự cố đơn lẻ Nhà máy vận hành đảm bảo phạm vi dao động điện áp +5% và -10% của điện áp định mức tại điểm đầu nối. Trong chế độ sự cố nghiêm trọng hệ thống điện truyền tải hoặc khôi phục sự cố, cho phép mức dao động điện áp trong khoảng $\pm 10\%$ so với điện áp danh định

- Giới hạn của tần số: Trong chế độ vận hành bình thường Nhà máy vận hành trong phạm vi dao động tần số $\pm 0,2$ Hz của tần số định mức 50 Hz. Các tổ máy phát điện phải có khả năng duy trì vận hành và phát công suất khi tần số dao động trong khoảng từ 47 Hz đến 51 Hz. Khi tần số vượt ra khỏi giới hạn 47 Hz đến 51 Hz, Nhà máy có quyền tiến hành các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho thiết bị và nhân viên vận hành.

III. Điều độ và vận hành

1. Không lệ thuộc vào các quy định tại nội dung hợp đồng này, việc điều độ mua bán điện của Bên bán phải tuân thủ theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia ban hành theo Thông tư số 40/2014/TT-BCT ngày 05/11/2014 của Bộ Công Thương về Quy định quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia hoặc các quy trình văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hợp lệ.

2. Bên bán và Bên mua có trách nhiệm tuân thủ các quy định nêu trong Quy trình phối hợp vận hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hợp lệ.

3. Bên bán phải có các thiết bị để hoà đồng bộ Nhà máy với Hệ thống điện của Bên mua. Việc hoà đồng bộ Nhà máy với Hệ thống điện của Bên mua phải thực hiện theo Quy trình phối hợp vận hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hợp lệ.

4. Nếu điều kiện và cách thức vận hành hệ thống điện của Bên mua đe dọa gây sự cố các thiết bị chính, gây thương tích hoặc thiệt hại về người và thiết bị thì Bên bán có thể tách các tổ máy khỏi hệ thống và thông báo cho Bên mua. Ngay sau khi các hoàn cảnh dẫn đến việc tách lưới nói trên đã chấm dứt, Bên bán cần nhanh chóng đưa Nhà máy về trạng thái sẵn sàng phát điện có thông báo cho Bên mua và báo cáo ngay cho Đơn vị điều độ biết để phối hợp vận hành.

5. Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, việc vận hành các tổ máy của Bên Bán phải tuân thủ theo các quy định nêu tại Phụ lục này (Phụ lục B – Thông số kỹ

thuật của Nhà máy điện) và Phụ lục C – Yêu cầu đấu nối hệ thống của Hợp đồng này. Bên bán và Bên mua có trách nhiệm tuân thủ các quy định nêu trong Quy trình phối hợp vận hành giữa các Bên hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hợp lệ.

IV. Phối hợp vận hành

1. Để hòa đồng bộ và vận hành nhà máy, Bên bán phải ký Hợp đồng mua điện với Công ty Điện lực Bình Phước – Tổng công ty Điện lực miền Nam theo biểu giá và các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Để có cơ sở xác định chỉ danh vận hành của các phần tử thống nhất trong toàn bộ hệ thống điện của Bên mua, không muộn hơn bảy (07) ngày sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên bán phải gửi cho Công ty Điện lực Bình Phước 02 bộ tài liệu theo quy định tại Điều 47 của Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương về việc Quy định hệ thống điện phân phối;

3. Không muộn hơn bảy (07) ngày sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên bán sẽ cung cấp cho Bên mua một bản dự thảo về các Quy trình Phối hợp vận hành liên quan đến tất cả các hoạt động vận hành chung giữa nhà máy và Công ty Điện lực Bình Phước. Đồng thời phối hợp với Công ty Điện lực Bình Phước để thống nhất ban hành Quy trình phối hợp vận hành.

4. Quy trình phối hợp vận hành bao gồm nhưng không giới hạn ở: các phương pháp liên lạc hàng ngày, danh sách các cán bộ liên quan và nhân viên vận hành kèm theo số điện thoại, số FAX, các quy trình và quy phạm kỹ thuật thao tác xử lý sự cố, các hướng dẫn phù hợp về việc đóng và ngắt mạch, các đặc tính của các tổ máy, lịch ngừng hoạt động để bảo dưỡng thiết bị của một tổ máy hoặc cả Nhà máy theo kế hoạch, báo cáo công suất và điện năng, công suất phản kháng, nhật ký vận hành và không giới hạn bởi các quy định sau:

- Quy định về phân cấp điều độ;
- Quy định về quyền điều khiển và quyền kiểm tra thiết bị;
- Quy định về điều khiển tần số - điện áp;
- Quy định đăng ký và thông báo phương thức huy động;
- Quy định về chế độ nhận Mệnh lệnh điều độ, giao nhận ca, báo cáo số liệu;
- Quy định về xử lý sự cố;
- Quy định về thông tin liên lạc vận hành.

V. Nghiệm thu đóng điện

1. Trước ngày nghiệm thu đóng điểm đấu nối, để hòa đồng bộ và vận hành nhà máy, Bên bán phải ký hợp đồng mua điện với Công ty Điện lực Bình Phước – Tổng công ty Điện lực miền Nam theo biểu giá và các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Bên bán phối hợp với Bên mua tiến hành nghiệm thu đóng điện điểm đấu nối của Nhà máy sau khi Bên bán thực hiện hoàn tất công tác đấu nối và lắp đặt hệ thống đo đếm theo các quy định hiện hành của ngành điện, các quy định liên quan và Hợp đồng.

3. Để có cơ sở xác định chỉ danh vận hành của các phần tử thống nhất trong toàn bộ hệ thống điện của Bên mua, không muộn hơn sáu mươi (60) ngày trước ngày nghiệm thu đóng điện điểm đầu nối, Bên bán phải gửi cho điều độ Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Nam 02 bộ tài liệu theo quy định tại Điều 47 của Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương về việc Quy định hệ thống điện phân phối;

4. Không muộn hơn sáu mươi (60) ngày trước ngày nghiệm thu đóng điện điểm đầu nối, Bên bán sẽ cung cấp cho Bên mua một bản dự thảo về các Quy trình phối hợp vận hành liên quan đến tất cả các hoạt động vận hành chung giữa nhà máy và đơn vị điều độ. Đồng thời phối hợp với Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Nam để thống nhất ban hành Quy trình phối hợp vận hành trước ngày nghiệm thu đóng điện.

5. Bên Bán điện cung cấp kết quả kiểm định ban đầu của các thiết bị đo đếm bằng văn bản cho Bên mua điện trước ít nhất là mười bốn (14) ngày trước ngày dự kiến nghiệm thu hệ thống đo đếm điện năng, đồng thời thông báo kế hoạch tiến hành nghiệm thu tĩnh hệ thống đo đếm khi Bên bán hoàn thành lắp đặt hệ thống đo đếm.

6. Hai Bên tiến hành kiểm tra, nghiệm thu động hệ thống đo đếm sau khi tổ máy hòa đồng bộ vào hệ thống điện và có kết quả kiểm tra mạch đo đếm.

VI. Chương trình Chạy thử nghiệm thu

1. Bên bán phối hợp chặt chẽ với Bên mua để tiến hành việc chạy thử nghiệm thu Nhà máy sau khi nghiệm thu đóng điện điểm đầu nối của Bên bán theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Không muộn hơn sáu mươi (30) ngày trước ngày thử nghiệm tổ máy đầu tiên, Bên bán cung cấp cho Bên mua dự thảo Chương trình chạy thử nghiệm thu, bao gồm thời gian dự kiến của chương trình, lịch dự kiến tiến hành các cuộc thử nghiệm, thành phần tham gia và các thông tin liên quan khác để Bên mua cùng Bên bán thống nhất chương trình nêu trên. Bên mua sẽ ủy quyền cho Công ty Điện lực Bình Phước phối hợp và hỗ trợ Bên bán để thực hiện Chương trình chạy thử nghiệm thu.

3. Bất cứ sự thay đổi về Chương trình chạy thử nghiệm thu sau khi đã thống nhất và có xác nhận của Bên mua đều phải được thông báo lại và được sự đồng ý của Bên mua bằng văn bản hoặc thông qua mệnh lệnh điều độ trước khi thực hiện.

VII. Ngày vận hành thương mại

Trước khi hai Bên thỏa thuận thống nhất Ngày vận hành thương mại, Bên bán phải đáp ứng các điều kiện tiên quyết bao gồm cung cấp cho Bên mua đầy đủ các văn bản và hồ sơ tài liệu như sau:

1. Giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Nhà nước xác nhận rằng tổ máy và các công trình, thiết bị liên quan đã được thí nghiệm, chạy thử, nghiệm thu theo đúng quy định sẵn sàng cho Ngày vận hành thương mại.

2. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực sản xuất điện và các giấy phép

khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Bản sao của tất cả các văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp cho Bên bán để xây dựng, vận hành nhà máy nhưng không muộn hơn mười lăm (15) ngày trước Ngày vận hành thương mại;

4. Bản sao tất cả các kết quả đối với các thử nghiệm tiến hành tại Nhà máy.

5. Văn bản đề nghị Bên mua thỏa thuận để xác định thống nhất Ngày vận hành thương mại của nhà máy.

VIII. Chất lượng điện năng

Bên bán đảm bảo chất lượng điện năng cung cấp điện cho bên mua tại điểm đấu nối phù hợp quy định hiện hành của pháp luật.

IX. Dự báo nhu cầu phụ tải

1. Dự báo nhu cầu phụ tải điện của năm

Bên bán có trách nhiệm cung cấp cho Bên mua các thông tin phục vụ dự báo nhu cầu phụ tải điện như sau:

- Dự báo sản lượng, công suất hàng tháng có thể phát lên lưới điện phân phối;
- Thông số kỹ thuật của các tổ máy phát điện mới và tiến độ đưa vào vận hành trong năm (05) năm tiếp theo.

Trước ngày 01 tháng 6 hàng năm, Bên bán phải cung cấp thông tin cho Bên mua để lập dự báo nhu cầu phụ tải điện cho năm tới và bốn (04) năm tiếp theo.

2. Dự báo nhu cầu phụ tải của tháng

Trước ngày 15 hàng tháng, Bên bán phải cung cấp cho Bên mua về dự báo điện năng, công suất phát điện cực đại trong tháng tới tại các điểm đấu nối để phục vụ dự báo nhu cầu phụ tải điện tháng tới trong trường hợp công suất phát của Nhà máy điện chênh lệch trên 1MW so với công suất phát dự kiến của tháng tương ứng trong dự báo nhu cầu công suất phát điện năm.

X. Biểu đồ phát điện ngày điển hình

Trước ngày 01 tháng 12 của năm hợp đồng, Bên bán cung cấp cho Bên mua biểu đồ phát điện ngày điển hình trong mùa khô và mùa mưa của năm vận hành tiếp theo.

XI. Tính toán lượng điện năng mua bán

1. Thời điểm mua bán điện theo hợp đồng được bắt đầu kể từ ngày vận hành thương mại của nhà máy.

2. Bên mua phải thanh toán cho Bên bán với lượng điện năng được xác định bằng hệ thống đo đếm điện năng lắp đặt tại vị trí đo đếm theo quy định tại Điểm 10, Khoản I của Phụ lục này.

Phụ lục C YÊU CẦU ĐẦU NỐI HỆ THỐNG

I. Đầu nối

1. Việc đưa nhà máy vào vận hành trong hệ thống điện của Bên mua phải tuân thủ Quy định hệ thống điện phân phối được ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và các quy định, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hợp lệ.

2. Bên bán có trách nhiệm cung cấp các tài liệu liên quan để thực hiện các nghiên cứu ảnh hưởng của nhà máy khi đầu nối với hệ thống điện của Bên mua nhằm đảm bảo việc đầu nối của nhà máy vào hệ thống điện của Bên mua không làm ảnh hưởng đến sự vận hành ổn định và tin cậy của hệ thống điện của Bên mua. Các nghiên cứu này bao gồm: tính toán trào lưu công suất, tính toán ngắn mạch,....

3. Điểm đầu nối đã được thỏa thuận và thực hiện theo nội dung nêu tại Điểm 9, Khoản I, Phụ lục B và thực hiện theo nội dung nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này.

II. Hệ thống thông tin

Bên bán có trách nhiệm lắp đặt hệ thống thông tin trong phạm vi quản lý của nhà máy và kết nối hệ thống này với hệ thống thông tin Phòng Điều độ Công ty Điện lực Bình Phước để phục vụ thông tin liên lạc và truyền dữ liệu trong vận hành hệ thống điện. Các thiết bị của nhà máy phải tương thích với hệ thống thông tin hiện có của các Đơn vị nêu trên.

III. Hệ thống đo đếm điện năng

1. Yêu cầu chung:

- Hệ thống đo đếm là hệ thống bao gồm các thiết bị đo (công tơ, máy biến dòng điện, máy biến điện áp), các thiết bị phụ trợ và mạch điện nhị thức liên kết các thiết bị này thành hệ thống để đo đếm xác định điện năng qua vị trí đo đếm.

- Hệ thống đo đếm phải có đủ thiết kế chi tiết mạch đo đếm, các bản vẽ phù hợp và có đủ các thông tin hỗ trợ, giải thích chi tiết về từng Thiết bị đo đếm phục vụ cho mục đích thỏa thuận thiết kế, lắp đặt, nghiệm thu, bảo dưỡng và kiểm tra, kiểm định.

- Thiết kế kỹ thuật hệ thống đo đếm phải được hai bên thống nhất thỏa thuận trước khi lắp đặt mới và khi thay thế thiết bị trong quá trình vận hành.

- Thiết bị đo đếm điện năng (công tơ, máy biến dòng điện, máy biến điện áp) phải phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế tương đương, đảm bảo tính pháp lý theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước về đo lường như quy định về phê duyệt mẫu phương tiện đo, quy định về thử nghiệm, kiểm định phương tiện đo. Các thiết bị đo đếm điện năng phải được kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ theo quy định và được thực hiện bởi một tổ chức độc lập do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đo lường ủy quyền và công nhận khả năng kiểm định.

2. Vị trí lắp đặt hệ thống đo đếm:

Danh sách điểm đặt thiết bị đo đếm bao gồm hệ thống đo đếm chính, hệ thống đo đếm dự phòng được lắp đặt theo quy định nêu tại Khoản 11 Điểm I Phụ lục B của Hợp đồng này và các yêu cầu thiết kế kỹ thuật của các hệ thống đo đếm điện năng của Nhà máy được hai bên thống nhất theo văn bản số 5312/ĐL2-KĐĐNT ngày 12/09/2008 của Công ty Điện lực miền Nam về việc thỏa thuận TKKT HTĐĐDN NMTĐ Bù Cà Mau, tỉnh Bình Phước và văn bản này cũng là Phụ Lục của Hợp đồng.

3. Kiểm tra, kiểm định định kỳ thiết bị đo đếm:

- Tính năng của thiết bị đo đếm, độ chính xác và kiểm định thiết bị đo đếm phải được thực hiện theo nội dung của Điều 3 của Hợp đồng này. Để đảm bảo tính chính xác, an toàn, liên tục và lâu dài, Bên bán và mua thống nhất thời gian thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống đo đếm với chu kỳ 01 năm 01 lần, tính từ thời điểm kiểm tra hệ thống đo đếm gần nhất. Nội dung kiểm tra bao gồm:

- + Kiểm tra sự toàn vẹn của hệ thống đo đếm, hệ thống niêm phong kẹp chì.
- + Tình trạng hoạt động của hệ thống đo đếm.
- + Kiểm tra sai số công tơ theo quy trình kiểm định hiện hành.
- + Kiểm tra và đối chiếu tại chỗ các thông số kỹ thuật thực tế (U , I , $\cos\phi$, tỷ số biến CT và VT, sơ đồ đấu dây...) của hệ thống đo đếm so với các thông số kỹ thuật quy định tại Hợp đồng này.

- Bên bán chủ trì và thông báo Bên mua để phối hợp thực hiện kiểm định định kỳ thiết bị đo đếm (công tơ, CT, VT) tính từ thời điểm kiểm định ban đầu trước khi nghiệm thu hệ thống đo đếm hoặc tính từ thời điểm kiểm tra, kiểm định định kỳ gần nhất theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2. Nội dung và tiến trình được thực hiện theo đúng quy trình kiểm định của Nhà nước.

- Bên bán phải thông báo cho Bên mua bằng văn bản trước ít nhất là mười bốn (14) ngày trước ngày kiểm tra, kiểm định định kỳ thiết bị đo đếm và trong thời hạn bảy (07) ngày Bên mua sẽ trả lời cho Bên bán về vấn đề này.

- Trường hợp công tơ đo đếm, máy biến dòng điện và máy biến điện áp đo lường không được kiểm định theo đúng quy định, Bên mua có quyền **không thanh toán** sản lượng điện năng do nhà máy phát đã vào hệ thống điện của Bên mua kể từ thời điểm thiết bị đo đếm quá hạn kiểm định cho đến khi có kết quả kiểm định đạt yêu cầu theo quy định.

4. Tính năng của hệ thống đo đếm:

a. Hệ thống đo đếm điện năng chính làm căn cứ xác định điện năng mua, bán tại vị trí đo đếm đã được xác định để lập hóa đơn và phục vụ thanh toán tiền điện giữa Bên mua và Bên bán.

b. Hệ thống đo đếm điện năng dự phòng được lắp đặt tại vị trí đo đếm dự

phòng để thực hiện các chức năng sau:

- Thay thế cho hệ thống đo đếm tại vị trí đo đếm chính, làm cơ sở tính toán các đại lượng mua bán điện trong trường hợp hệ thống đo đếm tại vị trí đo đếm chính hoạt động không chính xác hoặc bị sự cố.

- Hỗ trợ việc giám sát, kiểm tra kết quả đo đếm của hệ thống đo đếm tại vị trí đo đếm chính trong trường hợp hệ thống đo đếm tại vị trí đo đếm chính làm việc bình thường.

- Kết hợp với hệ thống đo đếm tại vị trí đo đếm chính và các hệ thống đo đếm dự phòng khác để tính toán sản lượng điện năng giao nhận trong một số trường hợp đặc biệt.

c. Hệ thống đo đếm phải đáp ứng các chức năng chính sau:

- Đảm bảo cung cấp đủ các thông số và số liệu cần thiết của các hệ thống đo đếm chính, hệ thống đo đếm dự phòng phục vụ việc xác định điện năng mua, bán, theo dõi tình trạng vận hành, độ tin cậy của các hệ thống đo đếm.

- Tự động ghi và lưu trong công tơ các giá trị chỉ số điện năng theo 2 chiều giao, nhận vào thời điểm 24 giờ 00 của ngày cuối cùng của kỳ lập hóa đơn.

- Tự động hóa quá trình thu thập số liệu đo đếm tại các vị trí đo đếm:

- + Số liệu đo đếm được thu thập tự động về máy tính để lưu trữ làm căn cứ xác định lượng điện năng mua bán trong kỳ.

- + Tự động ghi lại biểu đồ phụ tải của đại lượng đo công suất tác dụng, phản kháng tại các vị trí đo đếm đã được xác định với khoảng thời gian chu kỳ tích phân là 30 phút cho hai chiều điện năng giao, nhận.

- + Số liệu biểu đồ công suất tại các vị trí đo đếm: được thu thập tự động hàng ngày, được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu của Bên bán, được truyền về hệ thống lưu trữ, xử lý dữ liệu của Bên mua phục vụ điều độ Nhà máy, được sử dụng làm căn cứ quản lý vận hành hệ thống đo đếm; được dùng để đối chiếu giữa công suất thực tế huy động của nhà máy với mệnh lệnh điều độ từ điều độ Công ty Điện lực Lâm Đồng.

- Yêu cầu kỹ thuật của hệ thống đo đếm:

Yêu cầu kỹ thuật của hệ thống đo đếm khi nhà máy thực hiện đầu tư thay thế, bổ sung thiết bị đo đếm mới hoặc tham gia thị trường điện theo đúng thông số và yêu cầu tại Khoản 5, 6, Mục III của Phụ lục này.

5. Thiết bị đo đếm:

5.1. Công tơ đo đếm điện năng:

a. Chung loại:

Công tơ đo đếm điện năng chính, công tơ đo đếm điện năng dự phòng 1 và 2 sử dụng loại công tơ điện tử được chế tạo theo tiêu chuẩn IEC 60529, IEC 62052-11, IEC 62056-21 và có cấu hình phần cứng tối thiểu phù hợp với hệ thống thu thập và xử lý số liệu của Bên mua.

21/36
2/10/2018

b. Kiểu và thông số kỹ thuật:

- Loại: 3 pha 4 dây
- Điện áp định mức: $3 \times 63,5/110 \text{ V}$
- Dòng điện định mức: $3 \times 1(1,2) \text{ A}$
- Dải điện áp làm việc: $(80 \div 115\%) U_{dm}$
- Dòng điện cực đại: $120\% I_{dm}$
- Công suất tiêu thụ:
 - + Từng mạch điện áp : $\text{Max } 10 \text{ VA}$
 - + Từng mạch dòng điện: $\text{Max } 1 \text{ VA}$
- Tần số: $50 \text{ Hz} \pm 2\%$

- Công tơ của hệ thống đo đếm chính có cấp chính xác 0.5s đối với điện năng tác dụng theo tiêu chuẩn IEC 62053-22 và 2.0 đối với điện năng phản kháng theo tiêu chuẩn IEC 62053-23 hoặc tương đương.

- Tính năng: nhiều giá, có thể lập trình, đo đếm điện năng tác dụng và phản kháng theo hai chiều nhận và phát riêng biệt, có chức năng đo công suất cực đại, ghi biểu đồ phụ tải, có khả năng bảo mật bằng nhiều mức mật khẩu, duy trì hoạt động khi mất điện áp của 1 hoặc 2 pha bất kỳ, đáp ứng yêu cầu ghép nối với phần mềm thu thập và truyền số liệu của Bên mua.

5.2. Máy biến dòng điện đo lường (CT):

Máy biến dòng điện phục vụ cho các hệ thống đo đếm điện năng là loại máy biến dòng điện 1 pha có cuộn dây thứ cấp đo lường dùng riêng cho công tơ đo đếm điện năng, được lắp đặt ngoài trời có đầy đủ vị trí niêm phong kẹp chì theo quy định.

Kiểu và chủng loại

- Điện áp định mức: 24 kV
- Tỷ số biến: $75-150/5 \text{ A}$
- Số cuộn dây thứ cấp: 1 cuộn
- Cấp chính xác: 0,5
- Công suất: 15 VA hoặc 30 VA
- Tần số: 50 Hz

5.3. Máy biến điện áp đo lường (VT):

Máy biến điện áp phục vụ cho các hệ thống đo đếm điện năng là loại máy biến điện áp 1 pha lắp đặt ngoài trời có đầy đủ vị trí niêm phong kẹp chì theo quy định.

Kiểu và chủng loại

- | | |
|------------------------|----------------|
| - Tỷ số điện áp | 12.000/120V |
| - Số cuộn dây thứ cấp: | 1 cuộn |
| - Cấp chính xác: | 0,5 |
| - Công suất | 30VA hoặc 50VA |
| - Tần số: | 50Hz |

6. Yêu cầu kỹ thuật mạch đo đếm:

6.1. Tiết diện cáp nhĩ thứ phải phù hợp với dung lượng tải của máy biến dòng điện (CT), máy biến điện áp (VT) theo tiêu chuẩn quy định. Sự thay đổi trở kháng tải của mạch đo tác động lên CT, VT phải nằm trong phạm vi quy định của tiêu chuẩn, tương ứng với dung lượng và cấp chính xác của CT, VT.

6.2. Cáp nhĩ thứ của mạch đo đếm (mạch tín hiệu dòng điện, mạch tín hiệu điện áp) phải được đi theo đường ngắn nhất, số lượng điểm nối qua hàng kẹp là ít nhất và phải có đủ điều kiện thực hiện biện pháp niêm phong, kẹp chì mạch đo đếm tại các điểm nối.

6.3. Cuộn thứ cấp của CT, VT và cáp nhĩ thứ đầu nối với công tơ đo đếm điện năng của hệ thống đo đếm chính không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác và phải hoàn toàn độc lập với các hệ thống đo đếm dự phòng. Cáp nhĩ thứ của hệ thống đo đếm chính phải đi riêng và nối trực tiếp từ hộp đấu dây của CT, VT đến tủ công tơ mà không qua hàng kẹp tại tủ trung gian.

6.4. Phụ tải mạch thứ cấp CT, VT bao gồm cả công tơ đo đếm điện năng không được vượt quá phụ tải định mức của CT, VT.

6.5. Mạch cáp điện nhĩ thứ của CT, VT cung cấp cho các công tơ phải được lắp đặt các hộp nối thử nghiệm thiết bị (Testblock) để phục vụ cho việc kiểm định thiết bị đo đếm và đủ điều kiện niêm phong, kẹp chì.

IV. Hệ thống thu thập và đọc số liệu công tơ

1. Bên bán phải đảm bảo các công tơ đo đếm điện năng tại Nhà máy được lắp đặt hệ thống đọc số liệu công tơ từ xa phù hợp về kết nối và giao thức với phần mềm thu thập số liệu từ xa đã triển khai tại Trung tâm thu thập số liệu của Bên mua (đặc tính, giao thức và yêu cầu hợp chuẩn với phần mềm); Đảm bảo cung cấp số liệu thu thập 30 phút/lần truyền về Trung tâm thu thập dữ liệu của Bên mua.

2. Các công tơ đo đếm phải được lắp đặt tích hợp các thiết bị truyền tin theo chuẩn RS232 hoặc RS485 và modem đặt bên trong hộp công tơ cho phép có thể thực hiện kết nối đọc số liệu từ xa qua modem.

3. Môi trường truyền thông tin có thể sử dụng các hình thức sau: mạng vô tuyến GSM/GPRS, đường truyền thông tin thuê bao dành riêng.

4. Thiết bị thông tin ghép nối với công tơ phải được lắp đặt thiết bị chống sét để tránh ảnh hưởng của xung sét lan truyền qua mạng thông tin gây hư hỏng cho

công tơ.

5. Thiết bị chuyển đổi và cách ly, thiết bị kết nối với mạng truyền dẫn, thiết bị kiểm tra được lắp đặt trong tủ bảng phải phù hợp yêu cầu an toàn và quản lý.

V. Tủ công tơ

- Thống nhất tủ công tơ của hệ thống đo đếm điện năng chính và các hệ thống đo đếm điện năng dự phòng đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định

- Tủ công tơ gồm cánh cửa tủ phía trước và phía sau với các bản lề được lắp phía bên trong tủ, cánh cửa tủ phía trước được làm kính có joăng bảo vệ chống nước thấm. Tủ công tơ phải đảm bảo vận hành an toàn cho các thiết bị gồm công tơ, thiết bị phụ trợ, mạng thông tin và các cửa tủ công tơ phải có đầy đủ điều kiện niêm phong kẹp chì, cánh cửa tủ phía trước được bổ sung ổ khóa để chống sự can thiệp trái phép vào các hệ thống đo đếm điện năng.

VI. Niêm phong kẹp chì và bảo mật

1. Toàn bộ hệ thống đo đếm điện năng bao gồm hộp đấu dây CT, VT, công tơ đo đếm điện năng, hàng kẹp, con nối, mạch dòng điện, mạch điện áp, thiết bị phụ trợ, mạch logic chuyển đổi điện áp, mạng thông tin và tủ công tơ phải được niêm phong kẹp chì và phải đảm bảo được bảo vệ an toàn để chống can thiệp trái phép.

2. Các biện pháp, hình thức niêm phong kẹp chì phải được :

- a. Bên bán nêu cụ thể trong tập hồ sơ thuyết minh, thiết kế kỹ thuật chi tiết về hệ thống đo đếm điện năng đáp ứng yêu cầu khách quan, công bằng giữa Bên mua và Bên bán.
- b. Bên mua chấp thuận và là cơ sở để hai Bên tiến hành niêm phong kẹp chì khi nghiệm thu, kiểm tra hoặc xử lý sự cố các hệ thống đo đếm.
- c. Các vị trí niêm phong kẹp chì phải đảm bảo các thành phần của hệ thống đo đếm: Công tơ, mạch đo, nắp đấu dây của từng thiết bị đo đếm, tủ lắp đặt công tơ đo đếm, thiết bị thu thập số liệu đo đếm, mạch thông tin phải được bảo vệ an toàn.

3. Đơn vị cài đặt, kiểm định và thực hiện biện pháp niêm phong kẹp chì do Bên mua và Bên bán thống nhất lựa chọn trên cơ sở đáp ứng yêu cầu: Là đơn vị có tư cách pháp nhân, có chức năng hoặc được ủy quyền kiểm định của cơ quan Nhà nước về phương tiện đo, đủ năng lực về người và thiết bị để thực hiện kiểm định các thiết bị đo đếm.

4. Công tơ điện tử đo đếm điện năng phải có mặt khẩu bảo vệ với nhiều mức phân quyền truy nhập khác nhau và phải được Đơn vị kiểm định thiết bị đo quản lý và bảo mật với sự chấp thuận của Bên mua và Bên bán.

5. Đơn vị cài đặt và kiểm định công tơ chỉ được cấp mật khẩu truy cập "chỉ được đọc" (mức 1) cho Bên mua và Bên bán và cho Đơn vị thu thập và quản lý số liệu đo đếm của Bên mua để đọc và theo dõi số liệu công suất và điện năng.

6. Bên bán phải đảm bảo số liệu đo đếm trong công tơ được bảo mật chống sự truy cập trái phép tại chỗ hay từ xa bằng hệ thống mật khẩu và thiết bị cách ly phù hợp.

7. Các đơn vị khai thác hệ thống thu thập số liệu đo đếm tự động thì phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a. Số liệu đo đếm điện năng sau khi được đọc và truyền về máy chủ đặt tại vị trí đo đếm phải được mã hóa để tránh sự thay đổi trái phép.

b. Phần mềm quản lý hệ thống đọc, truyền và tổng hợp số liệu đo đếm điện năng phải được bảo mật bằng nhiều cấp mật khẩu để đảm bảo tính bảo mật, chính xác và tin cậy của số liệu đo đếm.

8. Khi Nhà máy bổ sung hệ thống đo đếm hoặc thay đổi thiết bị đo đếm mới phải đáp ứng đầy đủ biện pháp niêm phong kẹp chì tại Khoản 2 nêu trên.



Phụ lục D
Biên bản xác nhận chỉ số công tơ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ ĐIỆN NĂNG GIAO NHẬN
GIỮA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM VÀ CÔNG TY TNHH TM DV SX CÁT NAM
 Tháng ... năm 20...

Vào lúc: ... giờ 00, ngày ... tháng ... năm 20 ..., tại Nhà máy Thủy điện Bù Cà Mau – xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Đại diện TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM:

- Ông (Bà) Chức vụ:.....

- Ông (Bà) Chức vụ:.....

Đại diện CÔNG TY TNHH TM DV SX CÁT NAM:

- Ông (Bà) Chức vụ:.....

- Ông (Bà) Chức vụ:.....

Hai bên thống nhất xác nhận chỉ số công tơ và điện năng giao nhận như sau:

Hai bên thống nhất xác nhận chỉ số công tơ và điện năng giao nhận như sau.

Điểm đo	Chỉ số công tơ				Hiệu số (MWh/MVArh)		Hệ số nhân	Sân lượng tăng do kiểm tra sai số	Sân lượng (kWh)
	Đầu kỳ		Cuối kỳ						
	...h..., .../.../20...	...h..., .../.../20...	...h..., .../.../20...	...h..., .../.../20...	Khô	Mưa			
(Loại công tơ:; số chế tạo công tơ:.....)									
Công tơ chính									
Tổng giao									
Biểu 1 giao									
Biểu 2 giao									
Biểu 3 giao									
Tổng nhận									
Biểu 1 nhận									
Biểu 2 nhận									
Biểu 3 nhận									
(Loại công tơ:; số chế tạo công tơ:.....)									
Công tơ dự phòng									
Tổng giao									
Biểu 1 giao									
Biểu 2 giao									
Biểu 3 gaio									
Tổng nhận									
Biểu 1 nhận									
Biểu 2 nhận									
Biểu 3 nhận									

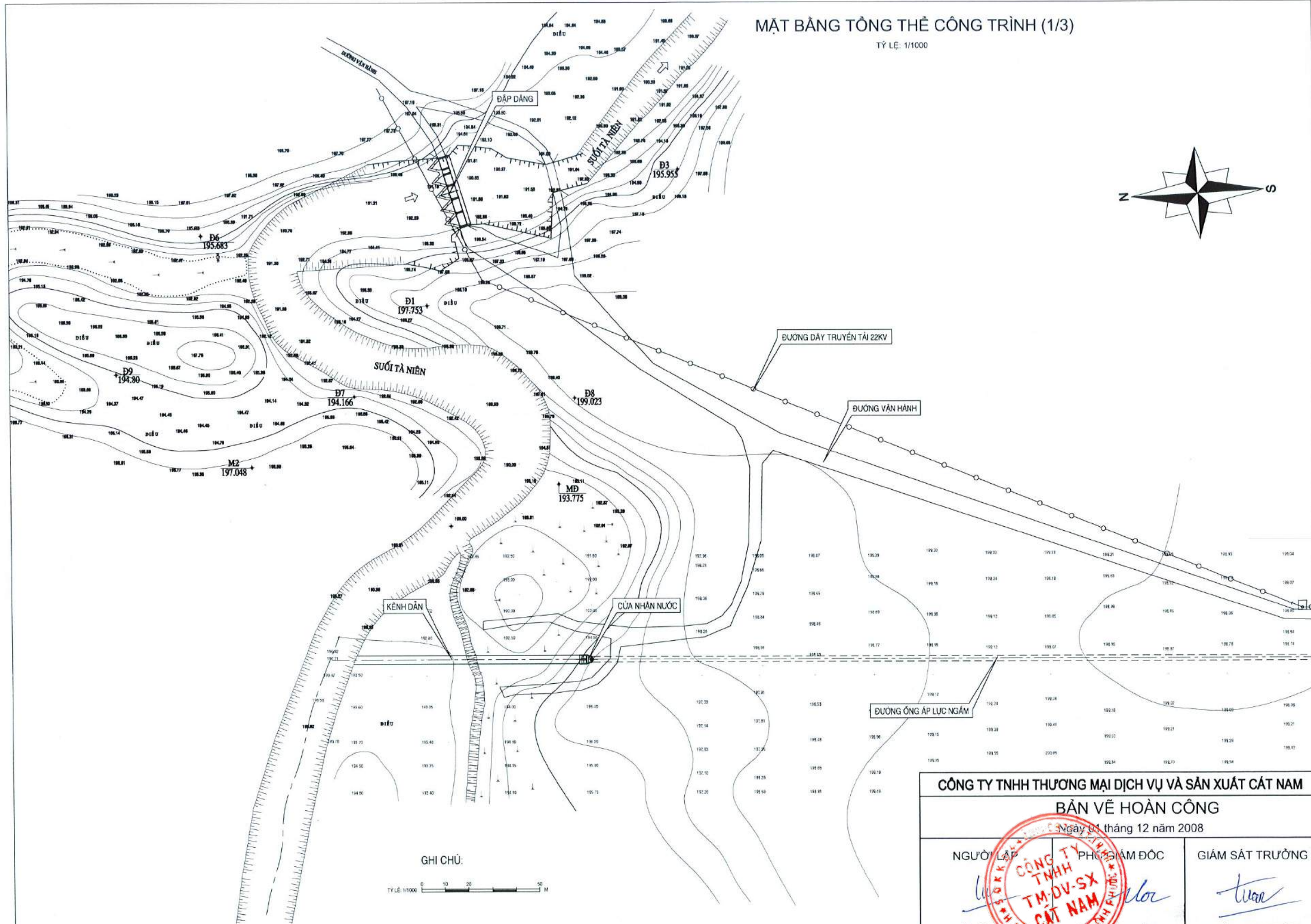
Đại diện
CÔNG TY TNHH TM DV SX CÁT NAM
 (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)


Lưu Lê Tài

Đại diện
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
 (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH (1/3)

TỶ LỆ: 1/1000



GHI CHÚ:

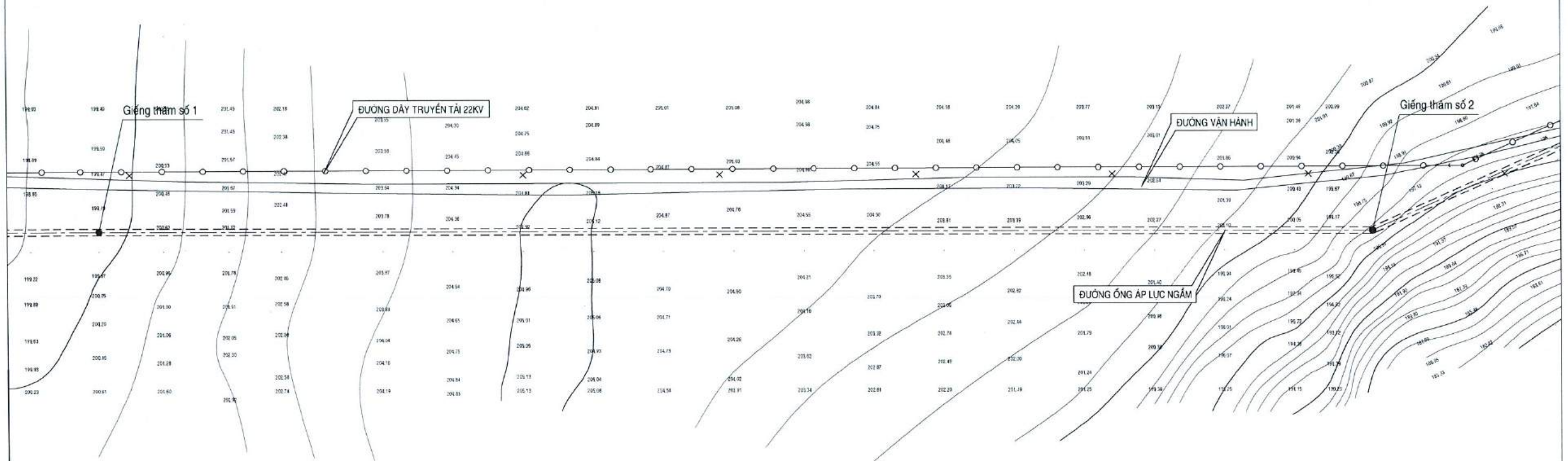
TỶ LỆ: 1/1000

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CÁT NAM			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày 01 tháng 12 năm 2008			
NGƯỜI LẬP	PHỤ TRÁCH	GIÁM SÁT TRƯỞNG	
VŨ VĂN LƯU	TRẦN PHƯỚC LONG	TRẦN ANH TUẤN	

BVHC-BCM-TT-01

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH (2/3)

TỶ LỆ: 1/1000



GHI CHÚ:

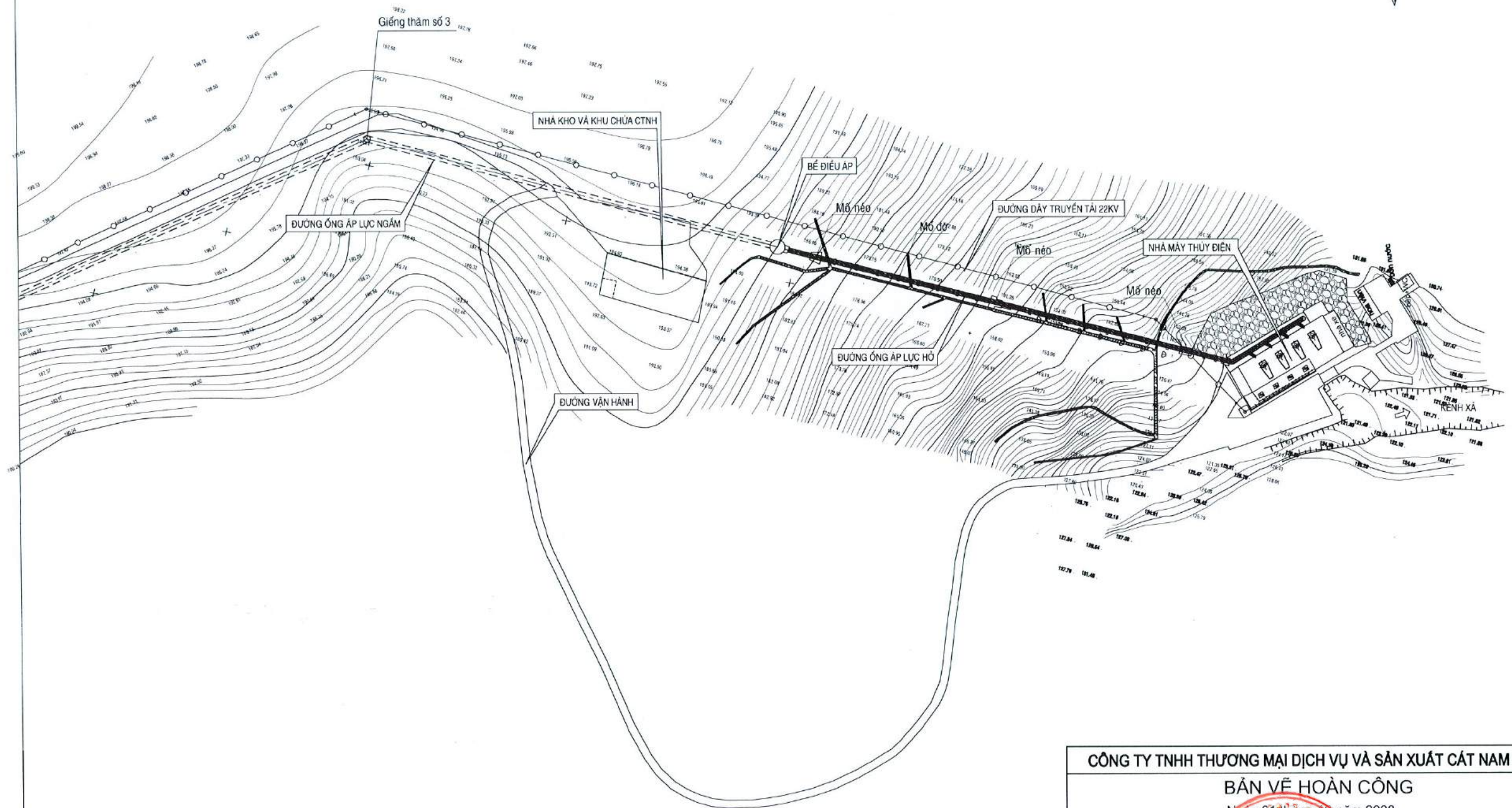


BVHC-BCM-TT-02

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CÁT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 01 tháng 12 năm 2008		
NGƯỜI LẬP VŨ VĂN LƯ	 PHÓ GIÁM ĐỐC LÊ ĐỨC LỘC	GIÁM SÁT TRƯỞNG TRẦN ANH TUÂN

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH (3/3)

TỶ LỆ: 1/1000



GHI CHÚ:

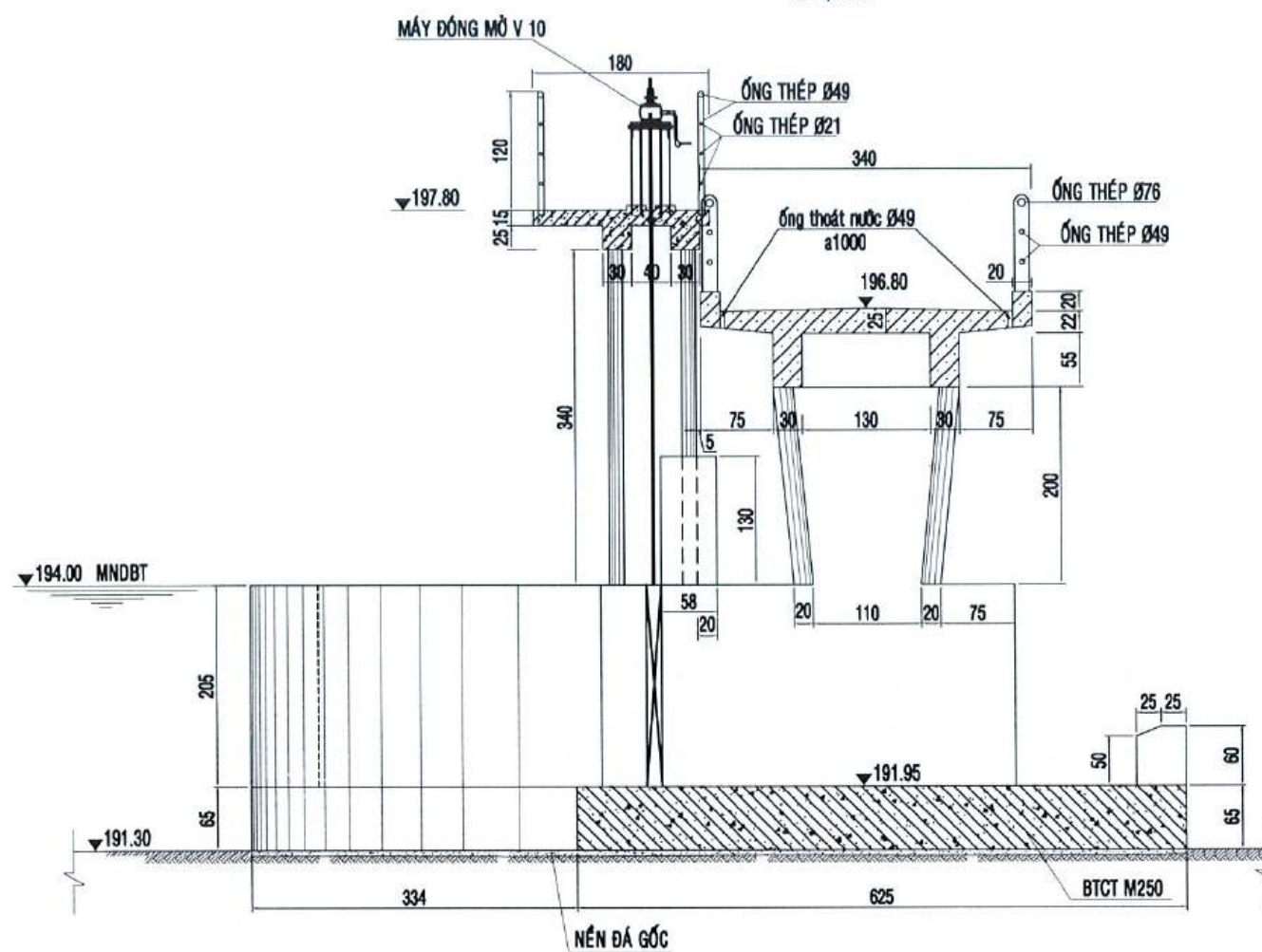


CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CÁT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 01 tháng 12 năm 2008		
NGƯỜI LẬP	PHÓ GIÁM ĐỐC	GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>lu</i>	<i>lu</i>	<i>tu</i>
VŨ VĂN LƯ	TRẦN VĂN LƯ	TRẦN ANH TUÂN

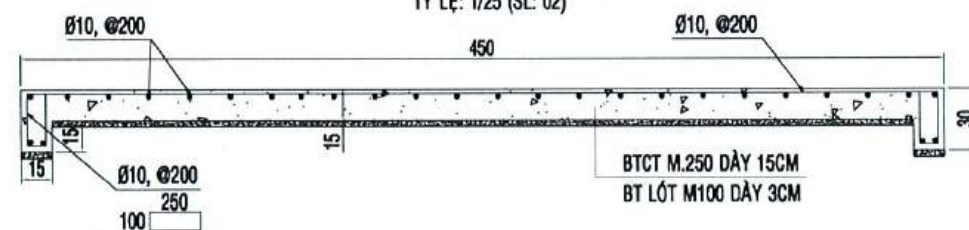
BVHC-BCM-TT-03

TRẦN ANH TUẤN

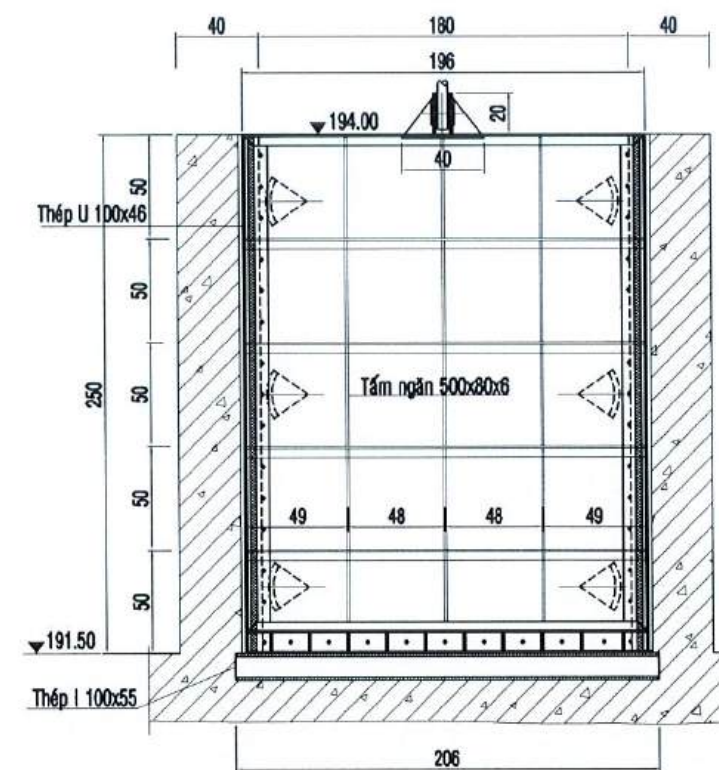
MẶT CẮT B-B
TỶ LỆ: 1/50



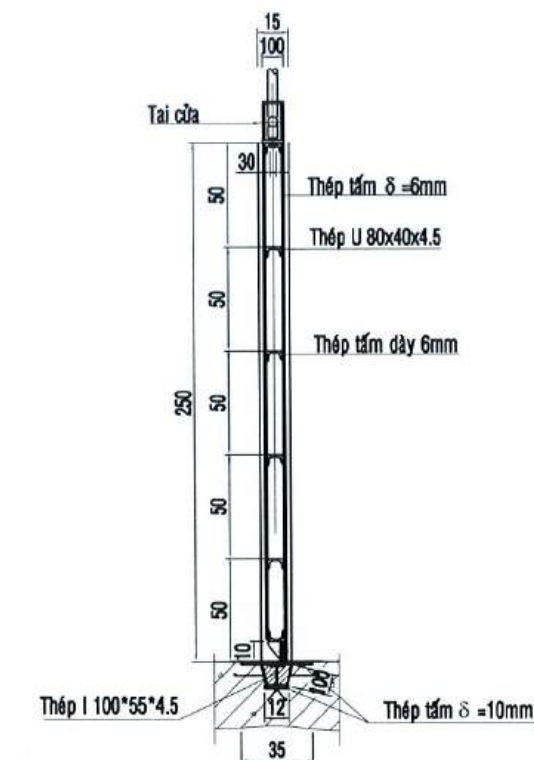
BẢN DẪN VÀO CẦU
TỶ LỆ: 1/25 (SL: 02)



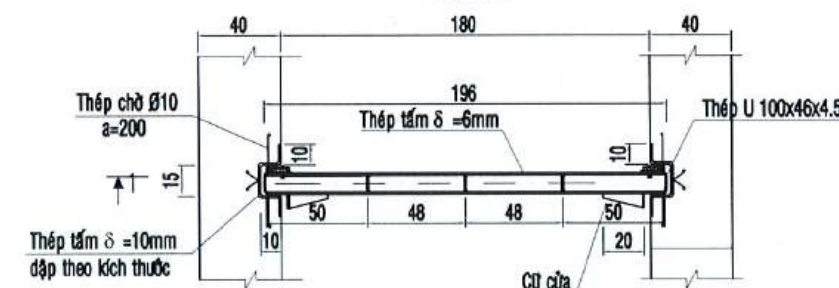
CHÍNH DIỆN KHE VAN
TỶ LỆ: 1/25



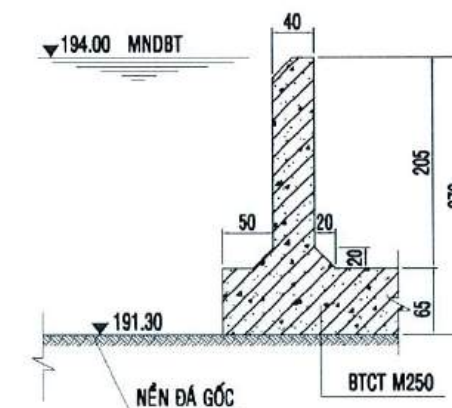
CẮT NGANG KHE VAN
TỶ LỆ: 1/25



MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỬA VAN 1960 x 2500
TỶ LỆ: 1/25



CHI TIẾT A
TỶ LỆ: 1/50



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ CM.
- CAO ĐỘ TRÊN BẢN VẼ LÀ MÉT.
- XEM CÙNG BẢN VẼ BVHC-BCN-ĐT-01.

TỶ LỆ: 1/50 0 0.5 1.0 2.5 M

TỶ LỆ: 1/25 0 0.25 0.50 1.25 M

■ BÊ TÔNG CỐT THÉP

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CÁT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

lu

VŨ VĂN LƯ

PHÓ GIÁM ĐỐC

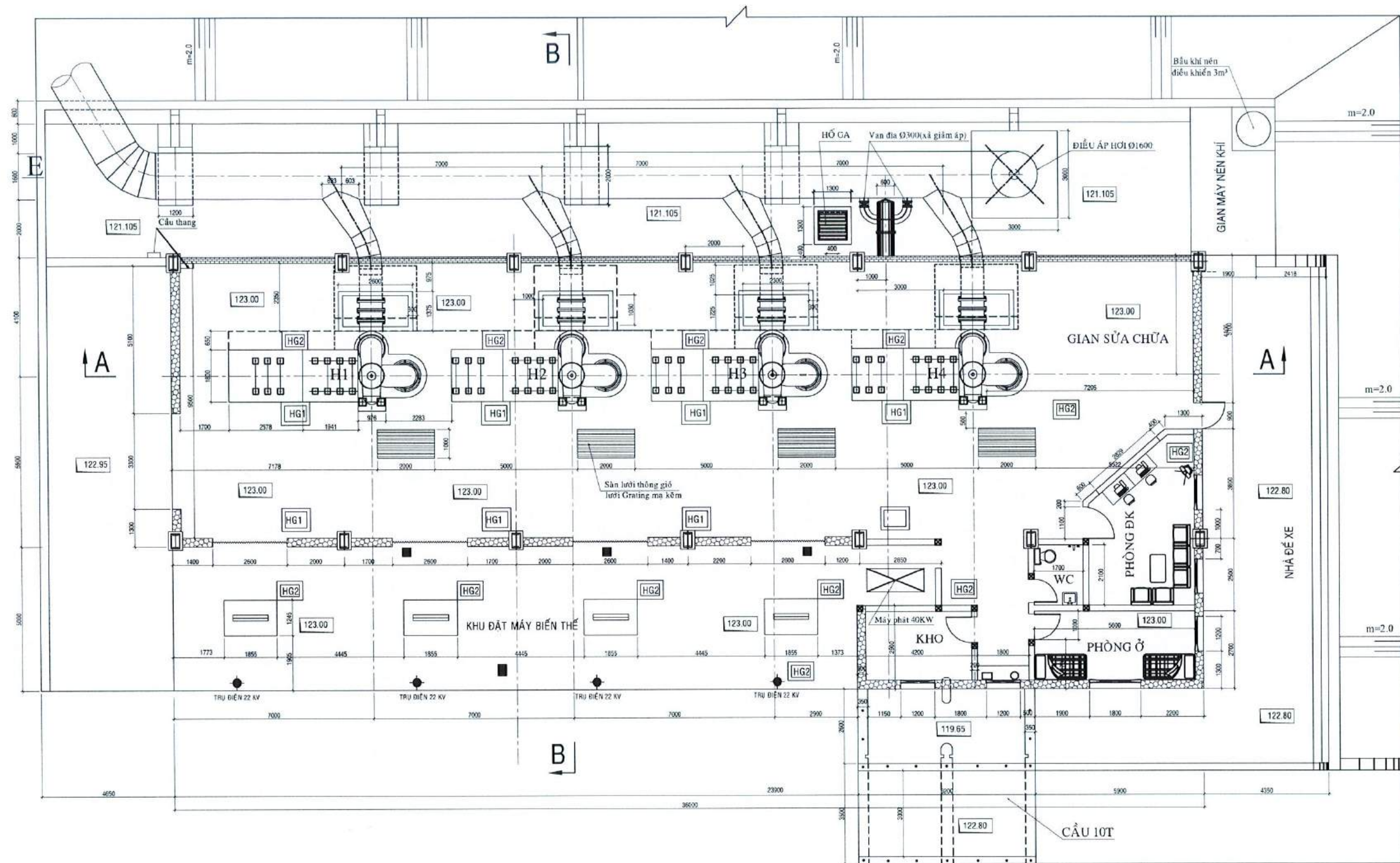
CÔNG TY TNHH TM-DV-SX CÁT NAM

LÊ ĐỨC LỘC

GIÁM SÁT TRƯỞNG

tuân

TRẦN ANH TUÂN



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ CM.
- CAO ĐỘ TRÊN BẢN VẼ LÀ MÉT.
- XEM CÙNG BẢN VẼ SỐ: BVHC-BCM-TT-03.

TỶ LỆ: 1/100

BÊ TÔNG CỐT THÉP

MẶT BẰNG BỐ TRÍ CHUNG NHÀ MÁY

TỶ LỆ: 1/100

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CÁT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

Vũ Văn Lưu

VŨ VĂN LƯU

NGƯỜI KIỂM TRA

Trần Anh Tuấn

TRẦN ANH TUẤN

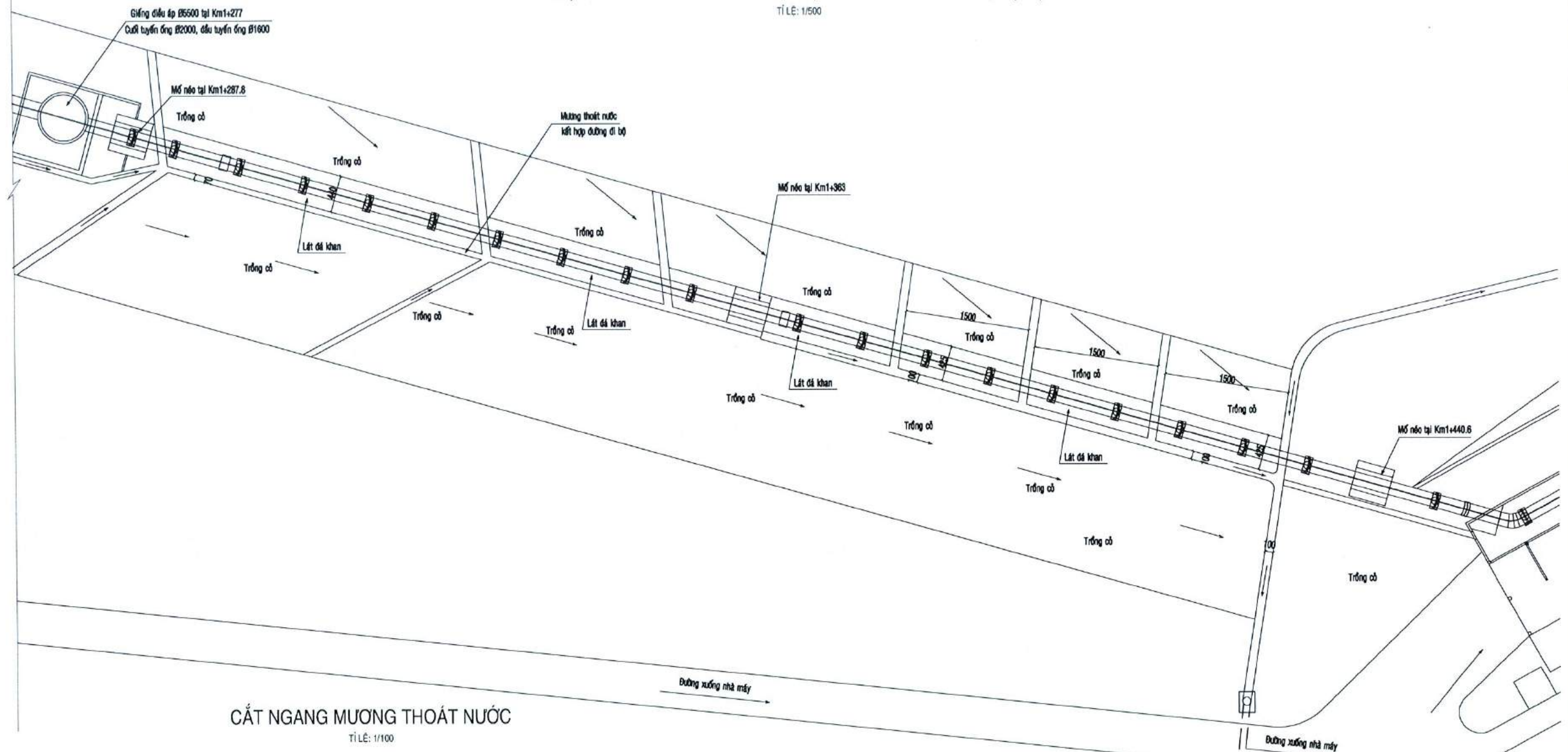
GIÁM SÁT TRƯỞNG

Trần Anh Tuấn

TRẦN ANH TUẤN

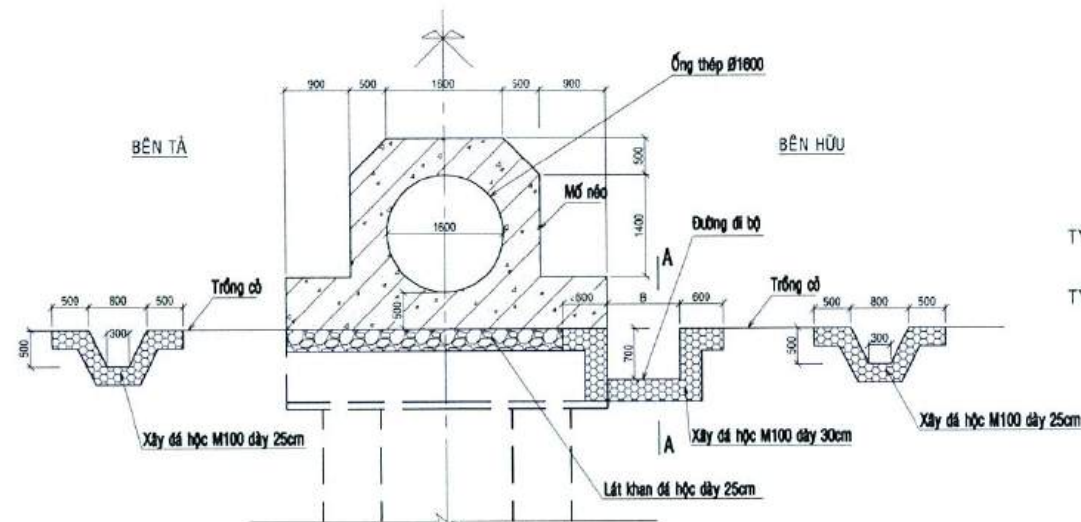
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC KHU VỰC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN (1/2)

TỈ LỆ: 1/500



CẮT NGANG MƯƠNG THOÁT NƯỚC

TỈ LỆ: 1/100



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ CM.
- XEM CÙNG BẢN VẼ SỐ: BVHC-BCM-TT-01.02.03.

TỶ LỆ: 1/500 0 5 10 25 M

TỶ LỆ: 1/100 0 1 2 5 M

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CÁT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 11 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

lu

VŨ VĂN LƯ

PHÓ GIÁM ĐỐC

lu

LE ĐỨC LỘC

GIÁM SÁT TRƯỞNG

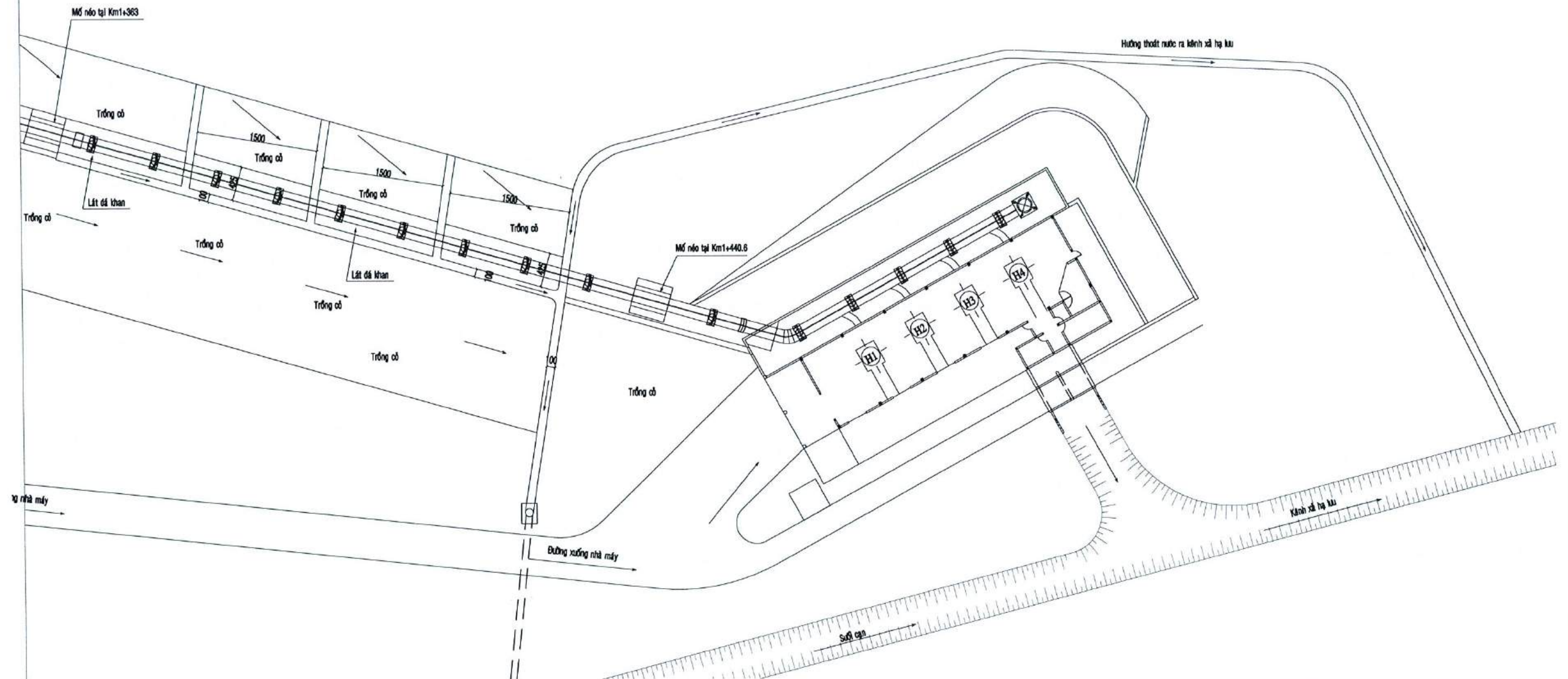
lu

TRẦN ANH TUÂN

BVHC-BCM-HTKT-01

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC KHU VỰC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN (2/2)

TỈ LỆ: 1/500



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ CM.
- XEM CÙNG BẢN VẼ SỐ: BVHC-BCM-TT-01.02.03.

TỶ LỆ: 1/500



BVHC-BCM-HTKT-02

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CÁT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

lu

VŨ VĂN LƯ'

PHÓ GIÁM ĐỐC

lu

LÊ ĐỨC LỘC

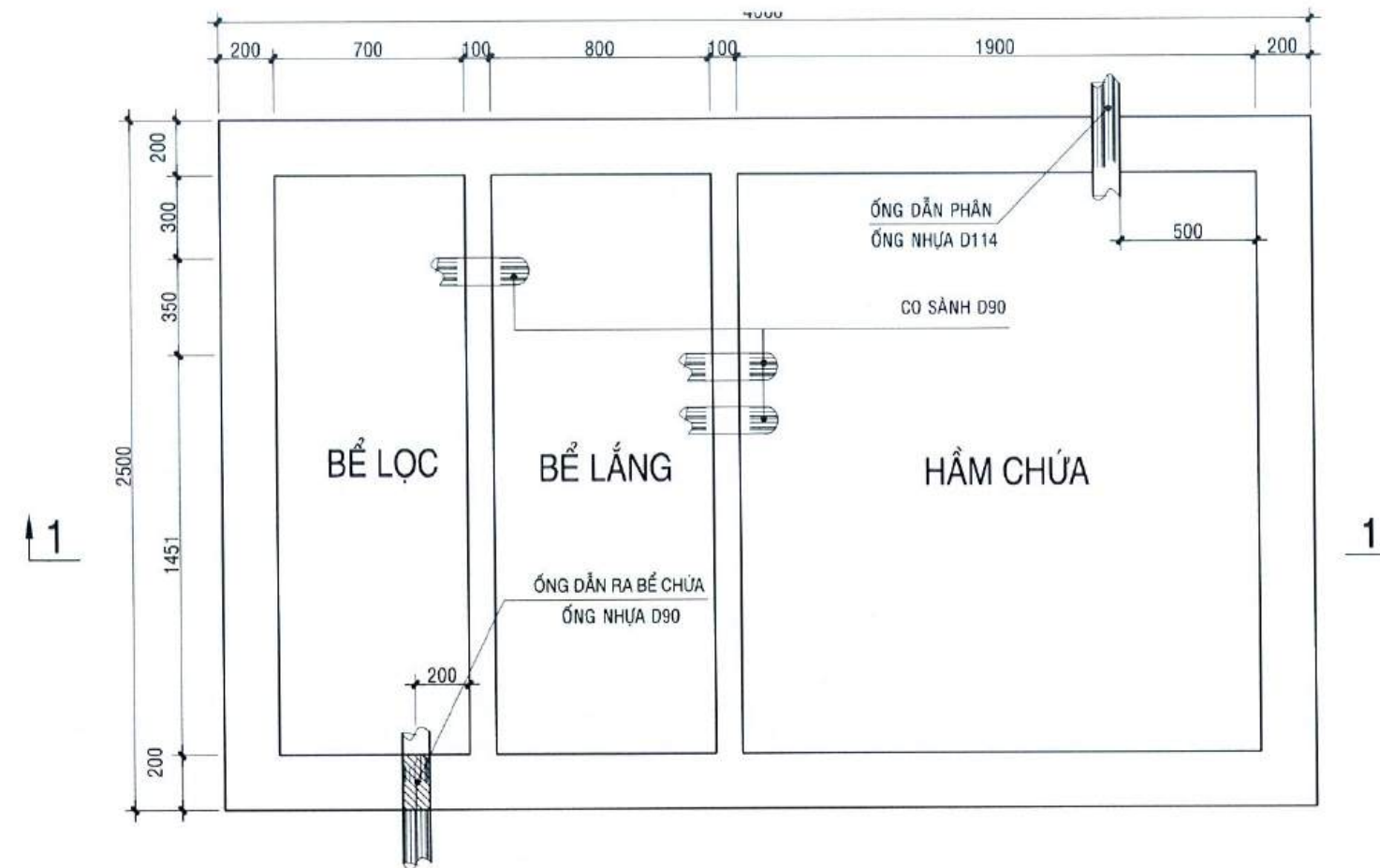
GIÁM SÁT TRƯỞNG

tuân

TRẦN ANH TUÂN

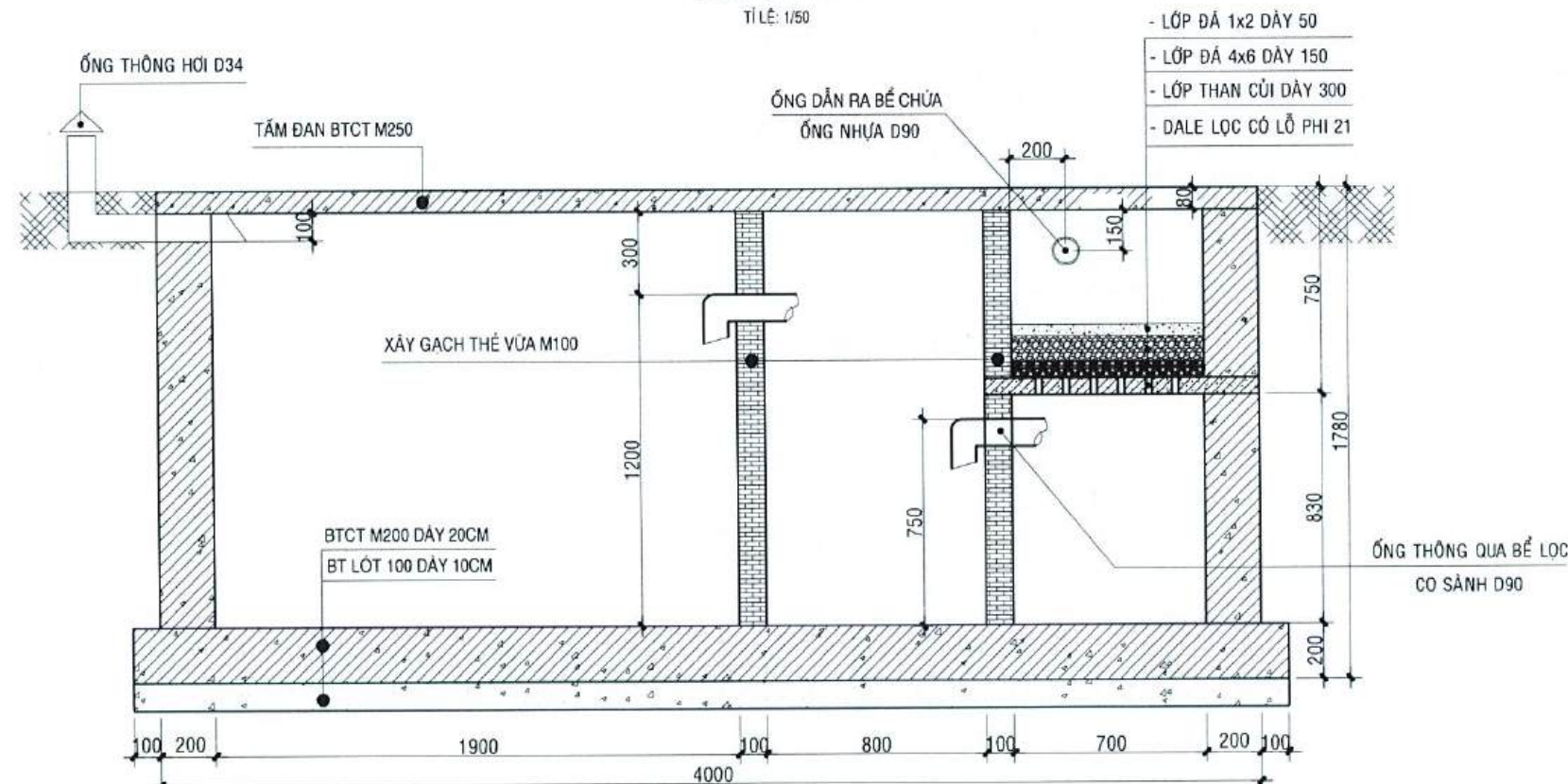
MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI

TỈ LỆ: 1/50



MẶT CẮT 1-1

TỈ LỆ: 1/50



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ MM.
- XEM CÙNG BẢN VẼ SỐ: BVHC-BCM-HTKT-03.

TỶ LỆ: 1/50

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CÁT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 02 năm 2008

NGƯỜI LẬP

lu

VŨ VĂN LƯ

PHỤ GIÁN ĐỐC

lu

LÊ ĐỨC LỘC

GIÁM SÁT TRƯỞNG

lu

TRẦN ANH TUÂN